

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,

phần 4

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 10

6.3. Chánh Tông Phần

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn lớn thứ hai của kinh A Di Đà trong Hệ Niệm Pháp Sư, tức phần Chánh Tông. Đoạn lớn này là một bộ phận trọng yếu nhất của kinh A Di Đà; được chia thành ba đoạn vừa (trung đoạn):

1) Đoạn thứ nhất là "*quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khởi tín*" (trình bày rộng rãi về diệu quả y báo và chánh báo của cõi kia để khởi gợi lòng tin).

2) Đoạn thứ hai là "*đặc khuyến chúng sanh ưng cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*" (đặc biệt khuyến chúng sanh nên phát nguyện cầu vãng sanh).

3) Đoạn thứ ba là "*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu dĩ lập hạnh*" (dạy hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh).

Phần Chánh Tông cũng là ba đoạn tương ứng với Tín, Nguyện, Hạnh. Cả ba đoạn này đều khá dài; nay chúng ta học tập một đoạn.

6.3.1. Rộng bày diệu quả y báo, chánh báo để khởi tín

Xin hãy xem kinh văn từ:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?"

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(*Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao có tên là Cực Lạc?*)

Đây là đoạn bắt đầu cho đến:

Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

諸菩薩眾亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Các vị Bồ Tát cũng giống như vậy. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

Chúng ta lại phải chia [đoạn lớn này] thành những tiểu đoạn để nghiên cứu, học tập.

6.3.1.1. Minh định tông chỉ: Tín nguyện trì danh

Tiểu đoạn thứ nhất là "*Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh*" (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu của kinh, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước). Học tập kinh này, trước hết phải nhận biết chính xác mới hòng nhận thức chính xác, hiểu rõ ràng. Ở phần trên, tôi đã báo cáo cùng quý vị sự thù thắng của bản kinh này, mười phương chư Phật cùng tán thán! "*Tuyệt đối viên dung, siêu tình lý kiến, chẳng thể nghĩ bàn*". Tông chỉ trọng yếu của bản kinh này là giềng mối để ta học tập, trong nhà Phật nói: Cương lĩnh tu hành, tổng nguyên tắc tu hành chính là "*tín nguyện trì danh*" hay Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện là Huệ, tức là thiện căn như đã nói ở phần trên. Trì Danh là phước! Người chịu niệm Phật là có phước. Không thể niệm Phật là vì sao? Vì bạc phước! Đúng là có không ít người, dạy họ niệm một câu Phật hiệu sáu chữ "*Nam-mô A Di Đà Phật*", thậm chí đơn giản hơn một chút là bốn chữ A Di Đà Phật, họ cũng chẳng thể niệm được.

Nếu chẳng nghiên cứu, thảo luận kinh điển thì chúng tôi chẳng nói; nhưng nếu nghiên cứu, thảo luận kinh điển, tự bản thân chúng ta phải hiểu rõ, phải biết rõ tướng trạng ấy là tướng trạng bạc phước; ta thường nói là "*không có phước báo*". Trong mười hai thời, chấp trì danh hiệu; đó là phước báo thù thắng khôn sánh, phước báo hiếm có trong thế gian. Chúng ta thấy có rất nhiều người nghèo khổ, suốt ngày miệng chẳng lìa A Di Đà Phật, tay chẳng lìa râu chuối, một ngày niệm mười vạn tiếng. Niệm rất siêng năng, nhanh lẹ! Tôi nghe nói trước khi vãng sanh độ hai, ba tháng, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mỗi ngày niệm Phật mười sáu vạn câu. Ngài là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông, lúc lâm chung nhất tâm niệm Phật, nêu khuôn phép, làm gương cho chúng ta, chúng ta phải biết như thế. Đây là Ngài đại từ đại bi thị hiện.

Các vị hãy chú tâm suy nghĩ, có phước báo thế gian, xuất thế gian nào lớn bằng phước báo niệm Phật hay chẳng? Quý vị tìm không ra. Ai là người có phước báo? Nếu chú tâm quan sát, đó là người "*tay chẳng lìa râu chuối, miệng chẳng lìa Phật hiệu*". Người như vậy phước báo lớn nhất. Vì sao biết?

Người ấy trong một đời này sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật, ai sánh bằng người ấy được? Đừng nói là trong nhân gian không ai sánh bằng, Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương trên trời cũng không có cách gì sánh bằng được! Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương còn là phàm phu trong sáu đường, chưa ra khỏi lục đạo, chẳng niệm Phật! Người ấy chịu niệm Phật, vãng sanh ngay trong một đời này; thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quyết định tu tập pháp này. Trong thế gian này, dù có cho họ vinh hoa, cho họ hưởng thụ thế nào, người ấy đều chẳng thích thú. Hứng thú, chí hướng của người ấy là sống qua ngày tháng, thật thà niệm Phật! Đây phải là người chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ thì mới có thể làm được như vậy!

Thế gian đã loạn quá, cụ Lý Bình Nam nói rất hay: "*Dù Phật, Bồ Tát, thần tiên đến cũng cứu không được!*" Dù chúng ta có tâm đại từ bi, nói trắng ra là tâm có thừa nhưng sức chẳng đủ, trong tình huống ấy, chúng ta phải làm như thế nào? Dốc lòng trì danh niệm Phật, quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật! Bởi thế, trong thế gian này thọ mạng dài - ngắn không cần đếm xỉa tới, hết thầy đều tùy duyên. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, tự độ, độ người. Chính mình đã thành tựu, người khác trông thấy, học tập theo, mình bèn hóa độ người khác. Nay đối với pháp môn này, chúng ta có tín nguyện kiên định như thế; há chẳng phải là từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật thành tựu, nêu gương cho ta thấy, đó gọi là "*chứng truyền*"; [tức là] họ chứng minh, chứng minh sự việc này là thật, chẳng giả. Chúng ta thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mới bèn kiên định tín nguyện, mới buông xuống vạn duyên, chuyên tu, chuyên hoằng. Chuyên tu và chuyên hoằng chỉ là một việc, chẳng phải hai; chuyên tu là chuyên hoằng, chuyên hoằng chính là chuyên tu. Phải nhớ kỹ, phải hiểu rõ cương lĩnh này. Tiếp theo đây, tôi trích lục mấy câu hết sức trọng yếu, đều là những câu trích từ sách Yếu Giải.

"*Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển*" (Được vãng sanh hay không, hoàn toàn là do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn). Có được vãng sanh hay không do tín nguyện quyết định, tín nguyện có nghĩa rất sâu. Quý vị thực sự tin tưởng, thực sự phát nguyện, tự nhiên quý vị rất lãnh đạm đối với thế gian này. Thấy thế gian này như thế nào? Coi như một cuộc lữ du, nơi này như lữ điểm (quán trọ), như lữ quán. Tốt cũng được, không tốt cũng xong, ở đôi ba ngày rồi đi. Chỗ này chẳng may may liên quan gì đến ta, nó có chủ nhân, ta là khách đi đến. Tự nhiên quý vị có ý tưởng ấy; bởi thế, đối với hết thầy mọi sự trong thế gian này, quý vị tuyệt đối chẳng để tâm.

Có rất nhiều người trong cõi đời niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, suốt đời niệm Phật rốt cuộc chẳng thể vãng sanh, là vì nguyên nhân nào? Quý vị nói họ chẳng tin ư? Họ rất tin tưởng, tin rất kiên thành. Quý vị nói họ chẳng có nguyện ư? Suốt ngày miệng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì sao chẳng đến được? Vì xen tạp! Xen tạp duyên cõi đời, chẳng buông xuống được! Trong tâm kẻ ấy vướng mắc, đến lúc lâm chung vướng mắc chẳng dứt, bị chúng lôi lại! Duyên do là như vậy. Khi xưa, thầy Lý rất cảm khái nói: "*Một vạn người niệm Phật, thực sự được vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi!*" Trong một vạn người mà chỉ có hai, ba người, chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia chẳng được vãng sanh.

Chúng ta phải hiểu nguyên nhân vì sao chẳng được vãng sanh, đó là vì tâm có vướng mắc. Vì sao tâm họ có vướng mắc? Chẳng thực sự tin, nguyện chẳng chân, hành chẳng hết sức, luống uổng một đời, chỉ tăng cường được chủng tử tịnh nghiệp trong A Lại Da Thức, đến khi nào lại gặp được duyên phận để tiếp nhận tu tập thật rất khó nói! Chắc chắn là có lần sau, nhưng thời gian lần sau ấy dài hay ngắn, khó nói lắm. Có kẻ lui sụt, bèn lui sụt mấy đời, thậm chí có kẻ lui sụt bèn lui sụt cả mấy kiếp, đáng sợ lắm! Nếu quý vị hỏi là do nguyên nhân gì ư? Thiên Đạo đại sư nói rất rõ: "*Gặp duyên bất đồng*". Phải biết: Được làm thân người, nghe Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, là một ngày khó gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay.

Mọi người chúng ta cũng là đối với một ngày khó gặp trong vô lượng kiếp mà ngày hôm nay chúng ta được gặp. Gặp được mà chẳng biết quý tiếc, chẳng biết sốt sắng nỗ lực tu tập, đáng tiếc lắm! Đối với cơ hội, người thế gian thường nói là "hễ bỏ lỡ là xong luôn", chẳng biết năm nào, tháng nào, ngày nào mới gặp lại. Phàm những người có thành tựu xuất thế gian hay thành công trong thế gian, chẳng có bí quyết màu nhiệm chi khác, chỉ là nhận biết cơ hội, chụp lấy cơ hội bèn thành tựu. Người chẳng nhận biết cơ hội, hoặc nhận biết cơ hội nhưng không chịu chụp lấy, đều thất bại! Chẳng thể buông duyên trong cõi đời (thế duyên) xuống được! "Buông xuống" không có nghĩa là mặc kệ, chẳng quan tâm tới. Quý vị thấy điều gì phải quan tâm cứ quan tâm, nhưng đồng thời lại buông xuống, tuyệt diệu như thế đó! Đây là gì? Là trí huệ. Người thế gian nếu đã quan tâm bèn bận lòng, chẳng buông xuống được. Vì nguyên nhân nào? Vì tình chấp, do họ có tình chấp.

Sao Phật, Bồ Tát vừa quan tâm, vừa chiếu cố, lại buông xuống được? Các Ngài có trí huệ, trí huệ chân thật, hoàn toàn chuyển tình chấp thành trí huệ, ta thường nói là "*trí huệ viên mãn rất ráo*". Phương tiện thiện xảo thù thắng diệu tuyệt, nói theo kiểu bây giờ là "thủ đoạn khéo léo cao độ". Trong nhà Phật gọi thủ đoạn khéo léo cao độ là "*phương tiện thiện xảo*". Trong

tâm chẳng vướng mắc mảy may dấu vết nào thì gọi là "*buông xuống*". Lại đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, dù phổ độ chúng sanh nhưng tâm chẳng có mảy may nhiễm trước, đây là diệu dụng của tánh đức.

Đức Phật thường dạy chúng ta: Loại diệu dụng trí huệ ấy chẳng phải chỉ riêng một cá nhân nào có, mà hết thảy chúng sanh ai nấy đều sẵn có. Trọn chẳng phải chỉ mình Phật, Bồ Tát mới có, không phải vậy! Vì sao nay các Ngài có, chúng ta không có? Các Ngài giác, chúng ta còn mê. Giác chẳng có chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mê thì nơi nào cũng thành chướng, chốn chốn đều là chướng ngại. Chúng ta cam bề chịu mê, mê mất tự tánh. Chân tướng sự thật ấy chúng ta chẳng thể không biết. Nay Phật, Bồ Tát giúp chúng ta, giúp điều gì? Phá mê khai ngộ! Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều coi giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ là công đức bậc nhất, không gì có thể thù thắng hơn được, không gì tốt hơn được nữa. Đó là lợi ích chân thật rất ráo viên mãn, là sư đạo (đạo làm thầy).

Trong kinh Phật dạy "*sư ân siêu quá phụ mẫu*" (ơn thầy vượt trội ơn cha mẹ), vị thầy vừa nói đó chẳng phải là những thầy giáo thông thường trong thế gian. Trong tâm mục của người Trung Quốc, thường xem những vị thầy trong thế gian như cha mẹ. Ân đức của thầy lớn như ân đức của cha mẹ, tương đương, bằng với ân cha mẹ; nhưng trong Phật pháp, những vị thầy vừa nói trên đây chính là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, ân đức các Ngài vượt trội ân đức cha mẹ; vì sao? Ân đức cha mẹ đối với chúng ta là ân đức một đời; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát có ân đức vĩnh hằng đối với chúng ta, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chiếu cố, vĩnh viễn quan tâm. Chỉ cần ta có một chút giác ngộ, các Ngài chẳng lìa bỏ, liền nhanh chóng đến giúp đỡ, mong mỗi một điểm giác ngộ ấy được khuếch đại, trở thành sâu đậm hơn. Ân đức

ấy cả thế gian lẫn xuất thế gian không có gì sánh bằng được!

Do đây biết rằng: Nói trên mặt hiện thực, công đức lợi ích thù thắng bậc nhất là gì? Là giúp cho chúng ta **TIN** pháp môn này, nguyện sanh Tịnh Độ. Đây là đức bậc nhất, là đại sự bậc nhất của hết thảy Như Lai độ chúng sanh. Chúng sanh căn tánh chưa chín muồi thì không có cách nào hết. Chưa chín muồi thì Phật, Bồ Tát giới thiệu các pháp môn khác. Quý vị phải biết: Giới thiệu các pháp môn khác cho quý vị là chuyện bất đắc dĩ! Bởi vậy, Thiện Đạo đại sư nói một câu mà chúng tôi cho khắc thành ấn chương. Ngài nói: "*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*" (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm để nói biển bốn nguyện Di Đà). Câu nói này thật hay. Hết thảy chư Phật Như Lai, hết thảy Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới của hết thảy cõi nước trọn khắp pháp giới hư không là vì lẽ nào? Vì thành thực nói cùng quý vị, vì giúp cho quý vị tin

có Tây Phương Cực Lạc thế giới, tin có A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin chính mình có duyên vãng sanh cõi Phật. Giúp cho quý vị tin tưởng sự việc ấy, giúp cho quý vị phát nguyện, giúp cho quý vị niệm Phật!

Do đây biết rằng: Chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh chỉ có một môn là pháp môn Tịnh Độ, một môn như vậy. Nếu đối với một môn này, quý vị có chướng ngại, chẳng thể tiếp nhận, có nghi hoặc, có hứng thú khác thì Phật luôn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đức Phật tuyệt đối chẳng miễn cưỡng. Thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, miễn cưỡng cũng vô ích! Chẳng những miễn cưỡng vô tác dụng, mà phải nói thật là: Miễn cưỡng còn tạo thành chướng ngại bất lợi. Chẳng miễn cưỡng, quý vị thích học điều gì, bèn dạy quý vị học điều đó. Thích Thiền dạy Thiền, thích Mật dạy Mật, thích Giáo dạy Giáo, thích Giới Luật bèn dạy Giới Luật, thích môn gì, dạy môn đó. Do đây biết rằng: Tất cả hết thảy pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn là phụ; pháp môn cốt lõi, pháp môn chủ chốt của hết thảy pháp môn là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Bởi thế, quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni tán thán là thay mặt cho mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật "*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*" (tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các Phật), tán thán đến cùng cực. Chúng ta nghe hết thảy chư Phật tán thán A Di Đà Phật như thế mà vẫn còn nghi hoặc, chẳng thể hạ quyết tâm, vẫn chẳng thể buông xuống muôn duyên, đây chẳng phải là nghiệp chướng sâu nặng thì là gì vậy? Nghiệp chướng sâu nặng đây!

Kinh Bát Nhã giảng thế gian rất rõ ràng: "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*" (phàm tất cả hình tướng đều là hư vọng), "*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*" (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Người thông minh, người có trí huệ phải lắng tịnh, phải chú tâm quán sát, nhìn thấu suốt thế giới. Vì sao nói là hư vọng, là mộng, huyễn, bọt, bóng? Lời Phật nói là chân thật, Phật giảng cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ. Từ kinh điển Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy cảnh giới của Như Lai, của Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thấy mười phương các cõi Phật như ở ngay trước mắt. Mười phương các cõi Phật ở tại đâu? Ở ngay trước mắt, chẳng xa cách gì!

Chẳng phải giống như chúng ta hiện nay đối trước màn ảnh máy truyền hình, chúng ta có thể nghe họ nói, nhưng họ chẳng nghe thấy chúng ta nói, chúng ta có câu hỏi gì cũng không hỏi họ được. Trong cảnh giới của các Ngài, quý vị thấy mười phương chư Phật. Mười phương chư Phật không đến đây, quý vị cũng không đi qua đó, nhưng ở ngay trước mắt, có thể nắm

tay, có thể trò chuyện! Điều đó nói lên điều gì? Cho thấy trong Nhất Chân pháp giới không có không gian, ta muốn thấy Phật quá khứ, chư Phật cũng như đang ở ngay trước mặt; chúng ta muốn thấy Phật vị lai, vẫn là như ở ngay trước mặt. Trong cảnh giới ấy, chẳng có không gian, chẳng có thời gian, nên gọi là Nhất Chân. Nếu có quá khứ, hiện tại, vị lai thì là ba chẳng phải một; có xa - gần thì là hai, cũng chẳng phải một. Chẳng có hai, ba, nên gọi là Nhất Chân Pháp Giới.

Hiện tại, các nhà khoa học dùng Toán Học suy tính bèn nhận thấy "*chẳng có thời gian, chẳng có không gian*" là điều hoàn toàn có khả năng. Trong một điều kiện nào đó, thời gian và không gian hoàn toàn tiêu mất, đấy chính là điều kinh Phật thường nói, thường gọi là "*chân tướng sự thật*". Ngoài ra, họ còn phát hiện Hữu từ Vô biến hiện ra, trong Vô sanh Hữu. Thật ra, kinh Bát Nhã đã giảng đạo lý này quá nhiều lần rồi: "*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*". Sắc là Hữu, Không là Vô, Hữu do đâu mà có? Từ Vô sanh Hữu. Bởi thế, cái Vô ấy chẳng thể nói là cái gì cũng đều không có! Cái gì nó cũng có, lại còn hết sức viên mãn. Đó là gì vậy? Là tự tánh! Kinh Phật gọi là "*pháp nhĩ như thị*" (pháp vốn là như vậy), đó là đức năng của tự tánh, chúng ta thường nói "*tự tánh vạn đức vạn năng*".

Thật ra, ai cũng biết nói "*vạn đức, vạn năng*", nhưng không ai thực sự hiểu được ý nghĩa. Thế nào là vạn đức, vạn năng? Vốn chẳng có, cái gì cũng không có, lại có thể biến hiện hư không, biến hiện thế giới, biến hiện vạn vật, đó là vạn đức vạn năng. Kinh Hoa Nghiêm gọi cái có khả năng, có khả năng hiện ấy là "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Thức vẫn là tự tánh. Do vậy, Chân Như bốn tánh là vạn đức vạn năng, có khả năng hiện, có khả năng biến. Chân Như bốn tánh cái gì cũng không có, nhưng có thể hiện ra vạn pháp, biến hiện toàn thể vũ trụ.

Hiện thời, các nhà khoa học cũng khẳng định, họ nói toàn thể vũ trụ lúc chưa biến hiện thì giống như thế nào? Toàn thể vũ trụ co rút, đậm đặc, cô đặc lại thành một lạp tử rất bé. Bé đến mức độ nào? Các nhà khoa học nói bé đến mức nhỏ một sợi tóc, đem sợi tóc đó cắt ngang; nơi mặt cắt ngang đó, ta có thể xếp khít những lạp tử bé tí. Mỗi lạp tử bé tí ấy là vũ trụ co rút lại. Nơi mặt cắt ngang của một sợi tóc ấy, có thể xếp được bao nhiêu hạt nhỏ ấy? Họ nói sau con số một trăm vạn, phải thêm ba chữ Úc, tức là một trăm vạn ức ức ức; hết sức nhỏ bé! Mỗi một lạp tử bé tí ấy có thể biến thành đại thế giới. Phương pháp tính toán của họ là dùng số thập phân. Sau dấu phẩy có ba mươi ba con số zéro, lạp tử nhỏ bé như vậy đó lại biến hiện thành thế giới lớn như thế đó.

Trong kinh đức Phật dạy tự tánh không lớn hay nhỏ; phát hiện khoa học nói trên đã chứng minh kinh Hoa Nghiêm. Ở phần trên tôi đã nói qua,

trong vi trần có thể giới, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào được. Vi trần ấy nhỏ đến đâu chúng ta chẳng có cách gì tưởng tượng được, kính hiển vi hiện thời chưa thấy được. Mặt cắt ngang của sợi tóc chứa được một trăm vạn ức ức lập tử bé xíu như thế, xếp theo hàng ngang, xếp kín mặt cắt ngang của một sợi tóc. Các nhà khoa học nói những thứ ấy sau một cơn bùng nổ lớn (Big Bang) sẽ biến thành thế giới.

Thế giới này, tức thế giới chúng ta đang cảm nhận đây, biến hiện ra như thế nào? Hiện thời, các nhà khoa học cũng phát hiện thế giới này chẳng phải là tiến hóa (phát triển từ từ), họ gọi là "*nhất thời đốn hiện*", [tức là] đột nhiên hiện ra. Cách giải thích ấy rất gần gũi kinh Hoa Nghiêm. Rất giống! Hãy nhớ những gì đức Phật thường dạy chúng ta, bốn câu kệ trong kinh Kim Cang là:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*
(Hết thảy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương, cũng như chớp,
Phải thường quán như vậy!)

Chúng ta thấy những điều các nhà khoa học nói giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, đúng là nhất thời đốn hiện! Cái "nhất thời" ấy là lúc nào? Nhất thời đó là "*đương hạ*" (ngay trong lúc ấy). Chẳng phải là quá khứ. Không có quá khứ mà cũng không có vị lai; ấy chính là "*đương hạ*". Việc này rất khó hiểu. Trước hết, chúng tôi dùng huyễn đăng phiến¹[1] [để tỷ dụ]. Trong quá khứ, ở Hoa Tạng Đồ Thư Quán hình như có ba cái máy chiếu huyễn đăng phiến (slide projector). Lúc ấy, chúng tôi có khoảng chừng sáu, bảy ngàn tờ, rất có thể có đến cả vạn tờ huyễn đăng phiến; rất nhiều lúc chúng tôi dùng chúng trong giảng dạy.

Huyễn đăng phiến là một tấm phim trong suốt, chúng tôi bỏ vào máy, liền thấy hiện hình toàn bộ trên màn chiếu, nhất thời đốn hiện! Chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần, thời gian, không gian đều chẳng có, nhất thời đốn hiện một trang. Trang thứ hai đặt lên rồi, trang đầu tiên biến mất ngay, trang thứ hai lại nhất thời đốn hiện! Quý vị hãy nghĩ kỹ lời tôi vừa nói

[1] "Huyễn đăng phiến" (reversal film) tức là những tấm slide trong suốt, hoặc microfilm, có in những văn bản hay hình ảnh đen trắng hay có màu, ta thường dùng trong máy slide projector để chiếu lên một tấm màn cho thính chúng thấy để trình bày một vấn đề. Chúng tôi không biết tiếng Việt gọi chính xác là gì nên đành để nguyên tiếng Hán. Trong nước, thường dùng từ ngữ "phim đèn chiếu" để gọi những tấm phim này; nhưng loại máy chiếu được nói ở đây (slide projector) có thể tự động đổi qua trang khác khi ta bấm nút, không cần phải đặt từng trang lên như trong loại máy "phim đèn chiếu" thường dùng trong nước.

đó, hãy nghĩ đến cảnh giới ấy. Máy chiếu huyền đặng phiến chạy bằng điện, quý vị ấn nút một cái bèn đổi được một trang, trang thứ ba đưa lên thì trang thứ hai bèn mất, trang thứ ba nhất thời đốn hiện. Mỗi trang đều nhất thời đốn hiện. Hiện tượng ấy, chúng ta nghĩ kỹ xem, có phải là như đức Phật đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: "*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*" (Ngay nơi đây sanh ra, cũng từ nơi đây diệt mất) chẳng? Huyền đặng phiến chiếu nhanh chậm tùy ý chúng ta. Nếu ta thấy ảnh đó nhìn rất đẹp, xem hai ba phút mới đổi qua trang khác; ảnh không đẹp thì chừng mấy giây liền đổi qua trang khác, đều là nhất thời đốn hiện.

Sau đó, chúng ta lại tăng tốc độ nhanh hơn, khi tăng tốc, quý vị sẽ thấy những tấm phim trở thành điện ảnh. Trong quá khứ ở Hoa Tạng, chúng tôi có một cái máy chiếu phim tám ly (8mm); hình như có một máy chiếu phim, hai máy quay phim, ra bên ngoài quay phim rồi đem về chiếu lại. Toàn bộ thiết bị chúng tôi đều có. Lúc đó, chúng tôi tự chiếu, tự mình cắt ghép phim rồi chiếu cho mọi người xem. Máy chiếu phim tám ly có hai tốc độ: Tốc độ chậm thì một giây chiếu được mười tám tấm ảnh; tốc độ nhanh một giây chiếu được hai mươi bốn tấm. Quý vị tưởng tượng xem: Những hình ảnh hiện trên màn bạc, mỗi một tấm (vì tốc độ chiếu nhanh) lọt vào ống kính lúc nó mở ra, bèn nhất thời đốn hiện, lập tức hiện hình, rồi ống kính đóng lại, biến mất. Chiếu qua tấm thứ hai có phải là tấm thứ nhất "*tùy xứ diệt tận*" hay không? Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, chẳng phải là hiện tượng đó hay sao? Đây là chân tướng vũ trụ. Bởi thế, nhất thời đốn hiện là hiện tiền, chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải là vị lai.

Thế giới được cảm nhận bởi sáu căn của chúng ta trong hiện tại cũng giống như các nhà khoa học nói, nhưng dùng phim gì? Tấm phim rất nhỏ, trong mặt cắt ngang của một sợi tóc có thể xếp kín một trăm vạn ức ức ức, tốc độ chiếu rất nhanh, đại khái là một ức vạn phần của một giây, chẳng phải là một phần hai mươi bốn giây, mà là một phần vạn ức giây, thế giới hiện tiền của chúng ta là như vậy đó! Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận! Bởi thế, kinh Kim Cang nói: "*Như lộ diệt như điện*" (như sương cũng như chớp), "*điện*" (電) là "*thiểm điện*" (閃電: ánh chớp), ví cho cái gì rất nhanh (thật ra, tốc độ của tia chớp còn chậm rất nhiều). Rất nhanh! Làm sao phàm phu chúng ta biết được? Đức Phật nói: Phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được chân tướng của những hiện tượng ấy!

Các nhà khoa học hiện thời chẳng thể thấy được, chỉ từ Toán Học mà tính toán ra, chứ không thấy. Nếu thấy được, phải là Bát Địa Bồ Tát. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nếu quý vị thực sự thấu hiểu chân tướng của sự thật, há còn tham luyến thế giới này chẳng? Há còn khởi tâm động niệm nơi thế giới này chẳng? Thật đấy! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều

đoạn hết. Vì sao thế giới này biến hóa nhiều như thế? Những biến hóa ấy đều do năng lượng của vọng tưởng, chấp trước, phân biệt; những thứ đó khiến cho tất cả hết thảy hiện tượng phát sanh phản ứng. Biến hóa là do đạo lý như vậy. Trong Nhất Chân pháp giới vì sao chẳng có những phản ứng đó? Trong Nhất Chân Pháp Giới, chư Phật, Bồ Tát đều đã giác ngộ, thảy đều không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, cảnh giới của họ vĩnh hằng bất biến, chân thật viên mãn, chẳng có một chút khuyết hãm nào; đạo lý là đây!

Chúng ta hy vọng khoa học không ngừng phát triển, sẽ chứng thực hết thảy mọi điều kinh Phật đã nói. Họ chứng thực được, nhưng họ chẳng nhập cảnh giới. Vì sao chẳng nhập cảnh giới? Do chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, quý vị liền khế nhập cảnh giới, mới thấy được chân tướng sự thật. Bởi vậy, kiến lập tín tâm không dễ! Tín tâm kiến lập, nguyện tâm kiến lập, hành tâm kiến lập, triệt để liễu giải chân tướng sự thật, sẽ giải quyết được vấn đề. Nếu quý vị chẳng triệt để liễu giải chân tướng sự thật ấy, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được, sẽ có chướng ngại. A! Nay đã đến giờ rồi.

Chư vị đồng học!

Chúng ta coi tiếp tiểu tiết thứ nhất trong đoạn lớn thứ nhất của phần Chánh Tông. Chúng ta đọc qua một lượt, tiểu đoạn thứ nhất là: "*Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh; đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô*" (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu chỉ của kinh này, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước. Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không). Lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này, hãy xem tiếp đoạn dưới đây:

"*Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển, tín nguyện vi tiên đạo, trì danh vi chánh tu*" (Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn. Tín nguyện để dẫn đường, trì danh là cách tu hành chánh yếu). Chúng tôi sẽ giảng đoạn này. Tín - Nguyện - Hạnh có thứ tự, đặc biệt là đối với hàng Sơ Học. Trước hết, chúng ta phải phát khởi được tín tâm, tín tâm thực sự chẳng dễ dàng. Trong phần trước, chúng tôi đã nói khá nhiều, không điều nào chẳng nhằm khiến cho chúng ta phát khởi tín tâm đối với Phật pháp, liễu giải chân tướng của nhân sanh và vũ trụ. Hiện nay, khoa học đã chứng thực, nhưng nói thật ra, chỉ chứng thực ở một mức độ hết sức hữu hạn. Đối với sự tướng, lý luận ở một mức độ sâu hơn, khoa học chẳng có cách nào để giải thích được cả.

Ví như nói đến sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới, khoa học không có cách nào giải thích được. Các nhà khoa học biết trong vũ trụ này tồn tại những chiều không gian (spatial dimensions) khác biệt; sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới chính là tình trạng thuộc về những chiều không gian khác biệt, khoa học không có cách nào hiểu được. Thù thắng hơn cảnh giới của chúng ta là thiên đạo. Trong thiên đạo có Dục Giới thiên, có Sắc Giới thiên, có Vô Sắc Giới thiên. Ngoài lục đạo lại còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; dưới đó lại có ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Trong súc sanh lại phức tạp hơn nữa! Hiểu biết của chúng ta hết sức hữu hạn! Bởi thế, theo nhận định của Phật pháp, tri thức khoa học nói trắng ra, thật hết sức hữu hạn, thật nhỏ nhoi, chẳng đáng để nói tới!

Một nhà khoa học chân chánh sẽ có thái độ rất rõ ràng, điều gì ông ta chứng thực được bèn tin tưởng, điều gì chẳng thể chứng thực, chẳng dám nói là không có. Vì sao? Khoa học kỹ thuật vẫn còn đang tiến bộ không ngừng. Trong quá khứ, các nhà khoa học tưởng những gì họ đã phát hiện là chân lý; chẳng ngờ không lâu sau, các nhà khoa học lớp sau lại có những phát hiện mới, phải thay đổi những định luật. Tình trạng như thế rất nhiều! Bởi vậy, nhà khoa học thông minh trong hiện tại luôn nói những chân lý được phát hiện chỉ là tạm thời, nói như vậy rất thông minh. Sau này lại có những phát hiện mới, những phát hiện mới vượt trội hơn [những phát hiện cũ]. Những điều uyên áo, kỳ diệu trong vũ trụ không có giới hạn, sâu không đáy, rộng vô biên, còn đang đợi con người từ từ phát hiện ra. Dùng kỹ thuật khoa học và phương pháp cơ giới thì những gì quý vị nghiên cứu được vẫn là hữu hạn. Kinh Phật nói họ dùng "*nhất thời*" để nghiên cứu; hiện tại [khoa học] vẫn chưa tách rời "*nhất thời*", nên [những sự phát hiện] có hạn chế.

Theo Phật pháp, "*nhất thời*" chỉ có thể duyên A Lại Da Thức, chứ không thể duyên Chân Như tự tánh. Bởi vậy, đối với Chân Như tự tánh, đức Phật chỉ nói gọn một câu "*chẳng thể nghĩ bàn*". Chẳng thể nghĩ là chẳng thể dùng cái tâm ý thức để hiểu rõ nó; chẳng thể bàn là chẳng thể dùng ngôn ngữ để trình bày rõ rệt được. Đối với chân tướng của sự thật, ngôn ngữ chỉ có năng lực hữu hạn, không diễn tả được nổi. Năng lực tư duy cũng hữu hạn, quý vị tư duy, suy nghĩ cũng có mức giới hạn tột cùng. Cái giới hạn tột cùng nằm trong A Lại Da Thức. Chân Như bốn tánh chẳng phải là A Lại Da thức nên [cái tâm ý thức của] quý vị duyên không được. Bởi vậy, trong lúc ấy, tất cả hết thảy phương pháp khoa học đều vô tác dụng.

Điều này do tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi. Do vì trước kia, tôi ở Đài Loan, pháp sư Đạo An chủ trì Phật Giáo Hội. Khóa Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa do hội Phật giáo Trung Quốc tổ chức, mời tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng. Tôi rất mong mở lớp Nhân Minh trong khóa giảng ấy. Nhân

Minh²[2] là la-tập (logic), thuộc biện chứng pháp, cũng thuộc vào phương pháp khoa học. Chúng tôi rất hy vọng mời được tiên sinh Phương Đông Mỹ đến giảng môn học này. Tôi đến tìm cụ, Phương tiên sinh nói: "*Phật pháp giảng đến một mức độ cao thì môn này vô dụng. Nhân Minh, biện chứng pháp lẫn la-tập thấy đều vô ích*". Không sai! Cụ nói chẳng sai chút nào. Trong Phật pháp ở trình độ cao, đúng là chúng vô dụng. Giảng những môn đó cho ai? Cho hàng sơ học. Với sơ cấp, trung cấp còn có ích, chứ với cao cấp, chúng trở thành vô dụng. Họ vượt khỏi rồi, những môn ấy đều thuộc về phương pháp luận của khoa học. Vì thế, sau này chúng tôi không mở lớp đó.

Phật pháp cao cấp dùng gì? Dùng Thiên Định, dùng tâm thanh tịnh. Thiên có nghĩa là "*tịnh lực*", Tịnh là Chỉ, Lực là Quán. Bởi vậy, Thiên còn gọi là Chỉ Quán. Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng sự thật. Tất cả phương pháp luận thế gian hay xuất thế gian đều chẳng là khỏi ý thức. Nguyên nhân thực sự vì sao bản chú giải Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư có mặt cũng là vì đạo lý này. Kinh Lăng Nghiêm do tôn giả Bát Lạt Mật Đế truyền sang Trung Quốc vào cuối đời Võ Tắc Thiên. Kinh Lăng Nghiêm phiên dịch xong nhằm thời vua Đường Trung Tông. Kinh được phiên dịch xong, tất cả chú sớ, giảng giải đều dùng nguyên lý, nguyên tắc Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai để giải thích.

Giao Quang đại sư là người đời Minh, đồng thời với Liên Trì đại sư. Ngài cho rằng cách suy nghĩ trên (tức là cách dùng Tam Chỉ Tam Quán để giải thích kinh Lăng Nghiêm) chẳng phải là chỉ thú của kinh Lăng Nghiêm ; bởi lẽ, Tam Chỉ Tam Quán là dùng Ý thức, chẳng là khỏi tâm ý thức. Bởi vậy, lão nhân gia chủ trương ứng dụng giáo nghĩa "*xả Thức dùng Căn*" của chính kinh Lăng Nghiêm, hoàn toàn chẳng dùng đến thức thứ sáu là Ý Thức. Dùng gì? Dùng căn tánh của lục căn. Cách giảng này chính xác, chứng minh được. Ngài Giao Quang cũng là người niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đại khái, thọ mạng Ngài đã hết, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, Ngài

2[2] Nhân Minh (Hetuvidyā) là một trong Ngũ Minh (Pañcavidyā, tức năm chủng loại kiến thức cần thiết mà Bồ Tát cần phải hiểu biết. Ngũ Minh là Thanh Minh, Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nhân Minh và Nội Minh). Nhân Minh là môn nghiên cứu lý luận trong Phật giáo nhằm biện luận khuất phục ngoại đạo, xiển dương chánh giáo và khơi gợi tín tâm cho người nghe bằng lý luận chặt chẽ. Lý luận căn bản của Nhân Minh là mỗi vấn đề, luận thuyết đều gồm ba phần Tông, Nhân, Dụng. Tông là chủ đề lập luận, Nhân là nguyên nhân, Dụng là thí dụ để giải thích vì sao có nguyên nhân. Đây là cách lý luận căn bản. Do chú trọng đến Nhân nên gọi là Nhân Minh. Vị luận sư nổi tiếng của Nhân Minh là Trần Na (Mahādināga) với tác phẩm Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận được coi là người đã hệ thống và tập thành môn Nhân Minh. Pháp sư Huyền Trang rất ưa thích Nhân Minh và đã phiên dịch nhiều tác phẩm thuộc Nhân Minh.

thấy A Di Đà Phật, thưa cùng A Di Đà Phật: "*Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh trọng yếu trong Đại Thừa Phật pháp, điều hết sức đáng tiếc là từ cổ đến nay, rất nhiều người chú giải bộ kinh này đều chẳng nắm được chỉ thú chân chánh*". Ngài muốn viết một bộ chú giải mới, "*xin A Di Đà Phật cho phép con nay tạm thời chẳng vắng sanh, đợi khi con chú giải bộ kinh này xong xuôi, sẽ vắng sanh thế giới Cực Lạc*". A Di Đà Phật chấp thuận, Phật liền rời đi. Câu chuyện này được ghi trong Lời Tựa của sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, chúng tôi tin tưởng Giao Quang đại sư chẳng dối người, chẳng bịa ra câu chuyện ấy.

Xả Thức dùng Căn, nói thật chẳng sai, nhưng khó quá, không ai có thể tu được! Dùng phương pháp Tam Chỉ Tam Quán, người căn tánh trung hay thượng làm được, vẫn còn có thể tu học được. Nếu bỏ Thức dùng Căn thì giống như Thiền tông, người thượng thượng căn mới hành được; chẳng phải thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Kinh Lăng Nghiêm giảng chân tướng của nhân sanh và vũ trụ; bởi vậy, nó là một bộ kinh rất nổi danh trong Phật môn. Từ cổ, tổ sư đại đức thường nói: "*Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, thành Phật là kinh Pháp Hoa*", hai câu nói ấy, những người học Phật đều biết. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, vì sao nói thành Phật là kinh Pháp Hoa?

Bởi lẽ, trong quá khứ, trong rất nhiều kinh, đức Phật đều nói Nhất Xiển Đề chẳng thể thành Phật. Nhất Xiển Đề (Ichchantika) là gì? Nhất Xiển Đề dịch nghĩa sang tiếng Hán là "người không có thiện căn", hoặc dịch là "người đoạn thiện căn". Không có thiện căn làm sao thành Phật được? Đây là điều đức Phật thường nói! Nhưng trong hội Pháp Hoa, đức Phật lại nói Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh, Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật, tức là "*không một ai chẳng thể thành Phật*". Ý nghĩa này tương ứng với câu kinh Hoa Nghiêm: "*Tình và vô tình đều viên mãn Chủng Trí*".

Kẻ ngu nghịch thập ác, tạo tội ác cùng cực trong thế gian đều có Phật tánh, chẳng thể nói kẻ ấy tội ác lớn cùng cực, chẳng thể thành Phật được! Chẳng có đạo lý ấy! Kẻ ấy có Phật tánh, nếu kẻ ấy gặp duyên cũng thành Phật. Thiện Đạo đại sư nói tuyệt diệu: "*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*" (Đều do gặp duyên khác nhau). Kẻ ấy chưa gặp duyên bèn tạo tội nghiệp, phải chịu quả báo, quả báo cũng có ngày xong. Khi nào xong hết quả báo? Không nhất định, nghĩa là sao? Nếu kẻ ấy giác ngộ thì tội báo đó tiêu diệt; nếu kẻ ấy chẳng giác ngộ thì vẫn còn tội báo phải thọ. Giống hệt như nằm mộng, gặp ác mộng khổ ghê lắm, nhưng nếu tỉnh giấc, mộng ấy không còn nữa. Khi nào kẻ ấy tỉnh mộng? Tỉnh mộng rất nhanh thì thọ tội rất ngắn, lia khổ rất nhanh. Nếu tỉnh mộng chậm, thọ tội lâu dài.

Bởi vậy, người phạm tội đại cực ác, đọa A Tỳ địa ngục, lúc nào sẽ thoát ra? Không nhất định! Tùy thuộc lúc nào người ấy giác ngộ, lúc nào sám hối,

hồi đầu, tự mình thực sự biết mình lầm. Do một niệm sám hối ấy, Phật tánh bột khởi. Vì thế, trong kinh giáo, Phật thường chỉ dạy chúng ta đừng coi thường kẻ ác, vì sao? Không chừng kẻ ấy thành Phật trước chúng ta, ta phải làm đệ tử kẻ ấy, rất có khả năng! Sức mạnh của sám hối chẳng thể nghĩ bàn! Thực sự biết sai, thực sự hồi đầu, ngàn ngữ Trung Quốc có câu: "*Lăng tử hồi đầu kim bất hoán*" (lăng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Bởi vậy, tín nguyện trọng yếu hơn bất cứ điều gì.

Chúng tôi hết sức kính ngưỡng Giao Quang đại sư, tán thán Ngài là một vị đại thiện tri thức. Pháp sư Viên Anh suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. Qua truyện ký viết về Ngài, chúng ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài hết sức thích thú kinh Lăng Nghiêm, lập chí chuyên dốc công nghiên cứu, đến năm bảy mươi lăm tuổi, hoàn thành Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, nay rất phổ biến. Chúng tôi xem kỹ bản ấy, hơn sáu phần mười lý luận trong ấy dựa theo sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, cho thấy Ngài chịu ảnh hưởng sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch rất sâu. Nay chúng ta học Lăng Nghiêm, học theo sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. Tốt! Ngài là người cận đại, văn tự khá đơn giản, rõ ràng; Giao Quang đại sư là người đời Minh, văn tự đúng là sâu hơn.

Nhất là trong thời hiện tại, chúng ta coi thường văn học cổ Trung Quốc, không có căn bản Hán học, đọc những tác phẩm của cổ nhân khá khó khăn. Học kinh Lăng Nghiêm hãy nên bắt đầu bằng sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, sau đấy mới đọc chú giải của cổ nhân. Quý vị phải có cơ sở trước rồi quý vị đọc chú giải của ngài Giao Quang, ngài Trường Thủy. Kinh Lăng Nghiêm được chú giải rất nhiều, những chú giải trứ danh có tới hai mươi, ba mươi loại. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ! Nhưng những vị đại gia, thiện tri thức ấy cuối cùng đều cầu sanh Tịnh Độ. Giao Quang đại sư vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị thấy Tam Cầu Đường của Viên Anh Pháp Sư: "*Cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*". Bậc thực sự có trí huệ, có kiến địa, chẳng một ai không cầu sanh Tịnh Độ.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đọc được rất nhiều về Tây Phương Cực Lạc thế giới từ kinh Vô Lượng Thọ. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Giảng lần này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một, vẫn chưa giảng xong. Cứ cách một, hai tháng, chúng tôi lại phải qua Tân Gia Ba giảng tiếp. Lần này, chúng tôi chẳng bị hạn chế thời gian, có thể nói tường tận, các đồng tu bên ấy thích nghe, người đến nghe giảng ước chừng một hai ngàn người. Kinh Vô Lượng Thọ cho chúng ta biết bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đâu hình thành phẩm vị cao - thấp? Ngẫu Ích đại sư nói: "*Toàn do trì danh chi thâm thiển*" (Hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn). Ngài nói vậy có lý chẳng? Có đạo lý! Còn như bốn cõi, ba bậc,

chín phẩm, Thiện Đạo đại sư bảo là "tổng tại ngộ duyên bất đồng" (đều do gặp duyên bất đồng), Ngẫu Ích đại sư bảo "hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn". Lời hai vị đại sư nói chẳng hề mâu thuẫn, mà có thể bổ túc lẫn nhau. Trì danh sâu hay cạn cũng chính là nói quý vị niệm Phật có biết niệm hay không? Đúng là gặp duyên bất đồng. Vì sao? Nếu quý vị gặp được thiện tri thức chân chánh, dạy cho quý vị phương pháp chẳng giống nhau. Duyên trọng yếu nhất là thầy! Quý vị học với ai? Công phu tu hành của người đó như thế nào? Kể đó là đồng học. Đồng học cũng là duyên hết sức trọng yếu. Bạn đạo đồng tham khích lệ, thiết tha giúi mài lẫn nhau. Kể đến là hoàn cảnh học tập. Những điều đó đều là gặp duyên bất đồng.

Trong hoàn cảnh thì đại hoàn cảnh là quả địa cầu chúng ta đang sống, hoàn cảnh kế đó là khu vực chúng ta đang sanh sống, hoàn cảnh nhỏ hơn nữa là đạo tràng. Thiện duyên giúp ích cho chúng ta tu học. Duyên bất thiện thường dẫn dụ, phát khởi những tập khí phiền não trong A Lại Da Thức của chúng ta, những duyên ấy là bất thiện! Thiện duyên là gì? Những gì có thể hóa giải phiền não tập khí, tăng trưởng đạo tâm, tăng trưởng Tín - Nguyện - Hạnh, đó là duyên thù thắng. Bởi vậy, hết thầy duyên đều thù thắng, hết thầy đều đạt được, đấy chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chúng tôi thấy rất nhiều người lúc mới học rất giỏi, học chừng đâu mười mấy năm sau, thậm chí hai mươi năm sau, ba mươi năm sau, gặp phải chướng duyên, bèn buông bỏ, chẳng còn học pháp môn này nữa, xoay sang pháp môn khác. Những người như vậy rất nhiều, trong nước lẫn ngoài nước thấy rất nhiều, há chẳng phải là gặp duyên bất đồng ư?

Hoàn cảnh căn bản nhất là sư thừa, anh không có sư thừa, hoặc chẳng gặp được thầy giỏi, chẳng có lòng tin đối với thầy, trí huệ chẳng khai, làm việc theo cảm tình, chẳng chống đỡ nổi dụ dẫn, mê hoặc, nhà Phật gọi những điều đó là "ma chướng", anh gặp phải ma chướng. Nhìn từ nhân quả, chúng ta hiểu rõ ma chướng có nghĩa là trong đời đời kiếp kiếp quá khứ có làm lỗi, toàn là mình chướng ngại người ta, đời này mình tu đạo, lại gặp phải người ta đến chướng ngại mình, oan oan tương báo mãi không xong!

Vì vậy, thiện căn chân chánh dù là pháp thể gian hay xuất thế gian đều kiến lập trên cơ sở hiểu đạo. Thiện căn chân chánh là hiểu đạo. Việc này khó lắm! Một đời chúng tôi gặp rất nhiều chướng ngại, thử thách rất nhiều, bị đả kích rất nhiều, vẫn có tín tâm, vẫn có nguyện tâm, vẫn chẳng lui sụt, vẫn có thể tinh tấn nỗ lực, là do nguyên nhân nào? Do thực sự có chút cơ sở lúc nhỏ. Cơ sở ấy chẳng phải là khi học tiểu học, mà là khi học ở trường tư, lúc nào? Lúc sáu, bảy tuổi, được "bén rễ" trong khoảng thời gian đó, thầy dạy học trò hiểu thuận cha mẹ, cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo, có căn cơ từ đó. Nếu bây giờ tôi chẳng tôn kính thầy, chẳng xem trọng

đạo nghiệp, tôi cảm thấy mình có lỗi với cha mẹ, chẳng dám! Đây là như cổ nhân Trung Quốc thường nói: "*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*" (Lúc nhỏ tập thành bẩm tánh, theo thói quen trở thành tự nhiên): Giáo dục lúc nhỏ ảnh hưởng cả một đời! Một đời tôi có được một chút thành tựu đều là do lúc nhỏ, lúc đó học đâu chừng hai năm, còn sống ở quê nhà. Sau này học ở trường, sự giáo dục trong trường dạy những điều này rất ít!

Bởi thế Ấn Quang đại sư nói rất hay: "*Thành tựu dữ phủ, tại ư thành kính*" (Có thành tựu hay không là do thành kính [hay không]). Chân thành, cung kính, "*một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*". Nếu chẳng thành, chẳng kính, chẳng đáng bàn tới nữa! Nói cách khác, chẳng thành tựu gì! Bởi thế, chúng tôi có thể chịu đựng được đả kích, chịu đựng được thử thách; người khác tranh, chúng tôi nhường, người khác chửi chúng tôi, sỉ nhục chúng tôi, chúng tôi quyết chẳng đáp trả. Người khác đánh chúng tôi, chúng tôi nhất định không đánh trả. Kinh luận dạy chúng ta: "*Chẳng những không có tâm oán hận mà còn phải có tâm cảm ơn*". Cảm cái ơn gì? Ơn tiêu nghiệp chướng. Họ hủy báng tôi, nhục mạ tôi, vì sao họ chẳng hủy báng người khác, chẳng nhục mạ người khác, chỉ tìm tôi? Nếu tôi có thần thông, tôi sẽ biết chuyện trong đời quá khứ, rất có thể trong quá khứ tôi đã đối xử với kẻ ấy như vậy, ngày nay họ đối với tôi như vậy là đền trả. Lần lượt đền trả, người hiểu biết cứ tiếp nhận sẽ hóa giải được. Đời sau, đời kế, gặp nhau nữa bèn thành bạn tốt, báo đền xong rồi!

Chẳng nên tranh, chẳng nên có chút lòng oán hận. Có một chút tâm oán hận, oan kết ấy vĩnh viễn tồn tại, sẽ biến thành gì? Oan oan tương báo chẳng xong, vậy là không được rồi! Đời đời cả hai bên đều đau khổ, đó là sai lầm vô cùng. Người giác ngộ, người hiểu biết chẳng tạo chuyện tồi tệ ấy. Vì vậy, giữ gìn cõi lòng mình thanh tịnh, quyết định chẳng mê, quyết định chẳng loạn, quyết định chẳng điên đảo, vĩnh viễn trong tình trạng trong lặng, tỉnh thức, chúng ta chịu đựng quả báo. Chịu đựng quả báo, nghiệp chướng bèn tiêu! Nghiệp chướng tiêu rồi, phước huệ liền hiện tiền. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng ra ngoài lệ đó. Bởi vậy, công phu trì danh sâu hay cạn vẫn cần phải có trí huệ, vẫn cần có thiện tri thức chỉ dạy. Trong đây, để có thể tránh được hết thảm chướng nạn thì điều trọng yếu nhất là phải nhờ vào trí huệ, phải nhờ vào công phu định lực, phải nhờ vào nhẫn nhục. Thực sự học theo người tu đạo thời cổ, làm một người có học vấn, vĩnh viễn tuân giữ "*không tranh cùng người, không cầu nơi sự*".

Vì thế, pháp sư Ấn Quang dạy con người hiện tại chúng ta: Nếu các đồng học chí đồng đạo hợp cùng tu một chỗ, số người chẳng được quá hai mươi người, đạo tràng theo quy mô nhỏ. Tại Trung Quốc, trước kia chúng

tôi nói ở am tranh rất tốt. Cuộc sống rất đơn giản, ít người! Chẳng cần hóa duyên, chẳng phải lôi kéo tín đồ, chẳng cần phải làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, Phật thất suốt năm, đã Phật thất theo cách thông thường^{3[3]}, Phật thất suốt năm! Nỗ lực tu! Nếu thực sự có thể tu học theo đúng phương pháp ấy của Ấn Quang đại sư, tôi tin tưởng sâu xa rằng trong vòng từ ba năm đến năm năm, hai mươi người ấy thầy đều vãng sanh.

Nếu quý vị nghe lời đó mà run sợ là không được rồi! Trong vòng từ ba năm đến năm năm phải chết ư? Thôi đi! Không tu nữa! Vậy là không có cách gì hết! Vì sao? Mục đích của quý vị chẳng phải là cầu vãng sanh ư? Thế giới Cực Lạc tốt như vậy, ở đây khổ nạn quá chừng, bên kia không có khổ nạn. Do đây biết rằng: Quý vị chỉ nói cái miệng là vãng sanh; chứ thật ra, tâm quý vị tham sống sợ chết, chẳng thể thành tựu nổi! Cụ Lý nói một vạn người tu, thực sự chỉ có hai ba người vãng sanh rất có lý! Hai ba người đó thực sự muốn đi, còn đại đa số miệng nói muốn vãng sanh, nhưng mong sống ở đây đến một trăm tuổi, hai trăm tuổi, họ không muốn đi, không còn cách nào nữa cả!

Nói tóm lại, những chuyện như thế vẫn là gặp duyên bất đồng, chẳng gặp được thiện tri thức chân chánh, chẳng được nghe lời chỉ dạy chân chánh, tự mình vẫn mê chứ không giác, đối với duyên thế gian vẫn tham luyến rất sâu, nên công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Bởi thế, người chân chánh tu hành trong hiện tại, chí đồng đạo hợp, đồng tham đạo hữu tìm được hai ba người, nói thật ra là rất khó! Tìm đâu được hai mươi người? Tìm không ra! Nói thật đó!

Thích Ca Mâu Ni Phật đầu tiên độ năm vị tỳ-kheo tại vườn Lộc Dã, kể cả chính Ngài là sáu người. Sáu người đồng tâm đồng đức có thể lập giáo, chí đồng đạo hợp. Bởi thế, trong quá khứ tôi đã từng nói: Vào thập niên bảy mươi, pháp sư Tây Trần ở Hương Cảng đến Đài Loan tìm tôi, cùng tôi thảo luận cách nào hưng vượng Phật giáo. Tôi bảo pháp sư: "*Muốn hưng vượng Phật giáo thì phải có người chân chánh phát tâm, chân tâm cầu đạo*". Tôi nói: Bao nhiêu người? Năm người là được rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật năm người lập giáo. Nay có được năm người thì có thể hưng giáo; nhưng năm người ấy hành trì nhất định phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, phải thực hành chế độ khắc thực. Ngày nay ngủ dưới gốc cây, chúng ta chẳng cần phải cất đạo tràng nào; tôi nói năm người đó du hóa nhân gian. Lúc ấy tôi đề nghị: "Chúng ta ở trong một cái lều tranh nhỏ, mỗi một người sống một lều, năm người thôi!"

^{3[3]} Đây là “phổ thông Phật thất” nhằm phân biệt với “tinh tấn Phật thất”. Phổ thông Phật thất niệm Phật chỉ có sáu thời, còn tinh tấn Phật thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ.

Những cái lều hiện tại, quý vị thấy lều cắm trại của đồng tử quân (hướng đạo sinh hay thiếu sinh quân) hết sức gọn nhẹ, mỗi một cái lều (tôi đã hỏi rồi) dùng được ba năm. Năm người sống vây quanh dưới gốc cây, là một Tăng đoàn nhỏ. Ngày ăn một bữa, đi khất thực. Chúng tôi làm như vậy, nhất định có thể xin được một bát cơm. Mỗi ngày một bát cơm là được rồi, trở về năm người chúng ta cùng nghiên cứu kinh giáo, niệm Phật. Tăng đoàn như thế nhất định có thể hưng vượng Phật giáo. Lúc ấy, pháp sư rất có hứng thú, tôi nói: "Thầy về Hương Cảng trừ bì. Lúc nào trừ bì sẵn sàng, tìm được năm người, tôi nhất định đến tham gia". Sư trở về bên đó, dần dần bắt tin tức, tìm đâu ra năm người chịu đựng khổ sở, thực sự có thể buông xuống được? Chẳng dễ đâu!

Bởi thế, hiện thời chúng tôi có một đạo tràng nhỏ như thế này, đạo tràng nhỏ này cũng là gặp duyên bất đồng. Hàn Quán Trưởng sáng lập Hoa Tạng Đồ Thư Quán, bản thân tôi thì suốt đời chẳng có ý niệm tạo dựng đạo tràng. Hoa Tạng Đồ Thư Quán do bà ta lập, chúng xuất gia ở Đồ Thư Quán cũng do bà ta tuyển chọn. Thân được nhiều vị xuất gia như thế xong, bà ta bèn tịch. Bà ta tịch rồi, tôi chẳng thể không coi sóc. Nếu tôi chẳng coi sóc là có lỗi với bà ta. Thành tựu của tôi chính là thành tựu của bà ta, tôi thất bại chính là bà ta thất bại; mọi người đều hiểu như vậy. Bà ta hộ trì tôi suốt ba mươi năm, tôi mới có thành tựu như ngày nay, mở được một chút trí huệ, có nhận biết đôi chút đối với Phật pháp. Chúng tôi cảm cái ơn của bà ta, nay ở đây kiến lập được đạo tràng thế này, đạo tràng được lập to lớn như thế này cũng là quá vượt phận; nhưng so với đạo tràng của bà ta, đạo tràng chúng tôi vẫn là đạo tràng nhỏ. Bởi thế, hết thầy kiến thiết làm đến đây là thôi, chúng tôi hạ quyết tâm nghiên cứu kinh, niệm Phật!

Kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Yếu Giải là nguyên tắc chỉ đạo trọng yếu nhất của chúng ta. Vì thế, hai câu tiếp đó: "*Tín nguyện vi tiền đạo, trì danh vi chánh tu*" (Tín nguyện để dẫn đường, trì danh là phương cách tu hành chánh yếu). Chánh tu không phải là giảng kinh, chánh tu là niệm Phật. Giảng kinh giúp cho chúng ta tin sâu, nguyện thiết, khiến cho chúng ta có nhận thức chánh xác đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng như y báo và chánh báo của thế giới Sa Bà chúng ta đang sống và mười pháp giới khắp hư không pháp giới. Tuyển chọn ổn thỏa nhất là tuyển chọn Tây Phương Tịnh Độ. Nếu quý vị chẳng thể nhận biết, trong tâm có nghi hoặc: Còn có pháp môn nào tốt hơn pháp môn này, còn có thế giới nào lý tưởng hơn thế giới Cực Lạc, tâm sẽ chẳng thể buông xuống được! Quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch, chết sạch tấm lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tu hành pháp môn này.

Tiếp đó là: "*Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tất nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm*

niệm Phật” (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). Đó gọi là Niệm Phật, đó gọi là Trì Danh. Trì Danh tuyệt đối chẳng phải là “miệng có, tâm không”. Tâm quý vị có phải là tâm Phật hay chẳng? Phật có tâm gì? Mười năm trước, chúng tôi đã nêu rõ: “*Chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm*”. Chúng ta có những tâm ấy hay không? Những tâm ấy là tâm Phật. Tuy những thứ đó là tâm Phật, nhưng tâm A Di Đà Phật còn thù thắng hơn nữa. Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở nơi bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện tổng kết: Niệm niệm vì cứu độ hết thảy chúng sanh. Cứu độ bằng cách nào? Niệm niệm giúp cho hết thảy chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đấy là tâm A Di Đà Phật.

“*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” là tâm của hết thảy chư Phật, chúng ta có hay không? Nếu chẳng có cái tâm ấy, niệm Phật chẳng tương ứng! Bởi thế, quý vị công phu chẳng đặc lực, suốt ngày vẫn suy nghĩ bậy bạ, tâm chẳng thanh tịnh, ngu si, chẳng có trí huệ, tự tư, tự lợi, chẳng từ bi, cái ải đầu tiên không vượt qua được. Niệm Phật như thế chỉ là một loại thiện căn, chẳng thể dễ dàng vãng sanh trong một đời. Bởi vậy, đầu tiên là “*tâm phải như Phật*”. Nay đã hết giờ rồi, buổi học hôm nay giảng đến đây thôi!

Tập 11

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tín Nguyện Trì Danh trong cuốn A Di Đà Kinh Nghiên Tập Báo Cáo, chúng tôi giảng đến: “*Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tất nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*” (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị, tâm chúng ta vốn là tâm Phật, đáng buồn là bản thân chúng ta mê mất nên mới luân lạc làm phàm phu, luân lạc trong lục đạo bao kiếp chẳng thể xuất ly, càng mê càng lún sâu, càng hãm càng khổ trong ấy. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng nghe đến Phật pháp, làm sao hiểu được chuyện ấy? Chẳng biết chân tướng sự thật ấy, làm sao có thể quay đầu? Đấy là một vận hên lớn nhất trong đời này, là duyên phận thù thắng khôn sánh, được nghe Phật pháp, được nghe Đại Thừa, được nghe pháp môn Tịnh Độ, đấy chẳng phải là chuyện dễ dàng gì!

Bao nhiêu Bồ Tát, Thanh Văn trong thế gian này muốn được nghe pháp môn này, nhưng chẳng có cơ hội. Chính như đức Thế Tôn đã nói trong

kinh Vô Lượng Thọ, mỗi một vị đồng học chúng ta trong vô lượng kiếp đến nay đã kết pháp duyên rất sâu dày với A Di Đà Phật, nên trong một đời này mới có cơ hội gặp gỡ. Kết pháp duyên rất sâu, nhưng vì sao vẫn chẳng thể vãng sanh? Pháp duyên dù sâu vẫn chưa đủ, trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: "*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*" (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy). Chữ "*thiếu*" (ít) thông cả ba câu, tức là chẳng thể ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên. Nói cách khác, thiện căn phải nhiều, phước đức phải nhiều, nhân duyên phải nhiều thì một đời này nhất định được vãng sanh. Ba điều kiện ấy thiếu một điều không được, đều thành chướng ngại!

Chúng ta làm thế nào để đầy đủ cả ba điều kiện trên trong một đời này? Câu hỏi này rất hợp lý. Thật ra, có đủ ba điều kiện ấy hay không, tự mình biết, thiện tri thức biết, thậm chí quỷ thần cũng biết. Nói chung, quỷ thần có Ngũ Thông, họ có thể thấy được. Chuyện đó không quan trọng, quan trọng nhất là chính mình. Chính mình làm sao biết? Tổ sư đại đức thường nói: Quý vị có chân tín hay không? Chân tín đã có thì tư tưởng, kiến giải, hành vi tự nhiên khác rất nhiều so với lúc chưa gặp Phật pháp! Lòng tin chân thành mà!

Quý vị có thực sự nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc hay không? Nếu thực sự nguyện sanh thế giới Cực Lạc, hết thầy người, sự, vật trong thế gian này, quý vị tự nhiên buông xuống hết. Nếu quý vị không buông được, chỉ cần một sự chưa buông được, cái nguyện của quý vị chẳng chân thật. Có chân tín, chân nguyện, lại phải coi quý vị có chân hạnh hay không! Nếu quý vị thực sự niệm Phật, coi niệm Phật là chuyện quan trọng nhất trong một đời này, biến niệm Phật thành chuyện quan trọng nhất trong suốt một ngày từ sáng đến tối. Việc xảy đến phải làm, đành để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc. Lúc xong việc, buông công việc xuống, Phật hiệu lại dấy lên, thực sự niệm!

Tịnh Tông Học Viện chúng ta đề xướng kinh giáo; kinh giáo là chuyện chúng ta làm kèm thêm, chẳng phải là quy củ chánh yếu, chỉ là phụ thuộc! Phải phân định chủ - khách rõ ràng; bởi lẽ, kinh giáo không phải là chuyện ai cũng có thể học được, chính mình phải hiểu rõ điều này, muôn vàn chẳng được điên đảo! Vãng sanh là chuyện lớn! Chúng ta học kinh giáo ở đây là do chính mình có đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên kinh giáo nên quý vị học được. Chẳng hoài nghi kinh giáo, hiểu được kinh giáo thì có hai điều kiện trọng yếu: Một là ký ức, hai là giải ngộ. Quý vị thực sự nhớ được kinh giáo là trí nhớ tốt. Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi: "Nghe pháp sư giảng kinh, nghe xong, anh nhắc lại một lần, anh có khả năng giảng được tối thiểu sáu phần. Anh có năng lực ấy thì có thể học kinh giáo được. Không có

năng lực ấy thì tùy hỷ. Vì sao? Không có năng lực thì đừng miễn cưỡng quá phận, học chẳng thành công!”

Khi xưa, lúc tôi cầu học ở Đài Trung, tôi quen biết pháp sư Huệ Nhẫn là một người rất thông minh. Nếu vị này thực sự khéo học, trong tương lai sẽ trở thành một nhân tài giảng kinh hoằng pháp. Tôi giới thiệu ông ta đến Đài Trung, thầy Lý gặp mặt cũng rất hoan hỷ. Ông ta lớn hơn tôi chừng năm tuổi, cùng tuổi với Hàn Quán Trưởng, xuất gia từ nhỏ, chưa từng học kinh giáo, nghe tôi giảng kinh hết sức hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta cùng đến học với nhau”. Đến Đài Trung, tôi học Lăng Nghiêm với thầy Lý, khi đó thầy Lý đang giảng kinh Lăng Nghiêm. Chúng tôi học từ đầu, còn ông ta thầy dạy được một nửa mới đến học, tôi khuyên ông học một bộ kinh nhỏ, đừng học Lăng Nghiêm. Lăng Nghiêm lớn quá! Tôi bảo ông ta: “Tôi đã nghe thầy Lý giảng hơn ba mươi bộ kinh nhỏ”. Nói cách khác, tôi đã có hơn ba mươi bộ kinh nhỏ làm cơ sở, hễ nghe qua bộ nào một lần tôi đều có thể giảng được.

Tôi từng bảo các vị đồng học tôi có khả năng phúc giảng lại chín mười lăm phần trăm, tôi có khả năng ấy. Có trí nhớ như vậy, cũng như có khả năng hiểu. Tôi khuyên ông ta nên học dần dần từ những kinh nhỏ, theo học từng bộ; ông ta chẳng vui lắm, nghĩ tôi coi thường ông ta: “Ông học Lăng Nghiêm, sao tôi không thể học được?” Vậy là hết cách, chịu thôi! Đương nhiên, căn tánh của mỗi người không giống nhau, cũng có thể ông ta có căn tánh cao hơn tôi, tôi chẳng bằng được ông. Tôi từ những bộ kinh nhỏ tiến lên dần dần, ông vừa bắt đầu đã học ngay kinh lớn, thật bất phàm!

Pháp sư Huệ Nhẫn hết sức dụng công, ngày đêm chẳng gián đoạn nghe thầy giảng kinh, đọc chú giải của cổ nhân, tìm kiếm tài liệu tham khảo, mỗi tối đều học đến hai, ba giờ sáng. Tôi thấy ông ta thật dũng mãnh, tinh tấn, được khoảng mười tháng, thân thể suy sụp. Có một buổi tối đang xem kinh, bỗng thấy tối đen, không thấy gì nữa cả. Đến hôm sau, Sư bảo tôi vì dụng công quá độ, không có cách nào nữa, đành phải rời Đài Trung lên Đài Bắc. Ông ta xuất gia từ nhỏ, xướng niệm hết sức hay. Khi đó, trong số những pháp sư trẻ tuổi giỏi xướng tụng, ông cũng là người có hạng. Do giỏi dùng pháp khí, ông đi làm pháp hội, làm kinh sám Phật sự. Làm độ hai năm, dành dụm được không ít tiền, mua một ký nhi viện (nhà giữ trẻ) ở vùng Mộc San thuộc Đài Bắc. Người ta muốn bán ký nhi viện ấy, ông ta liền mua ngay, lập một tiểu đạo tràng, gọi là Pháp Tạng Liên Xã. Đến Đài Trung bảo tôi: “Nay tôi có đạo tràng, thỉnh thầy lên Đài Bắc giảng kinh”. Tôi nói: “Tốt lắm! Chúng ta là bạn bè cũ mà!”

Lúc ấy, ông ta bảo tôi: “Tôi hối hận không nghe lời ông. Nếu tôi bắt đầu từ những kinh nhỏ, học dần dần từng bộ, há cũng chẳng thành công ư?” Đúng vậy! Khi đó, tôi đã đề nghị, khuyên chỉ ông ta lời hay, tuyệt đối chẳng coi thường ông ta. Học tập pháp thế gian hay xuất thế gian đều có

thứ tự, từ cạn đến sâu, từ bộ nhỏ sang bộ lớn mới không mất sức vì dụng công quá độ. Vị pháp sư ấy hình như mấy năm trước, độ chừng bốn năm năm trước đã vắng sanh tại Hương Cảng. Về sau, ông ta qua Hương Cảng, chúng tôi rất ít qua lại với nhau.

Bởi thế, học kinh giáo phải có điều kiện học kinh giáo. Mục đích trọng yếu nhất của việc học kinh giáo là tự mình đoạn nghi sanh tín. Tôi đề xuất "*tâm, nguyện, giải, hạnh*", vì sao chúng ta chẳng được như Phật? Chúng ta chẳng thể lý giải thấu triệt. Nếu quả thật lý giải thấu triệt khá, tức là đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ, chân tướng của nghiệp nhân quả báo có trình độ lý giải khá khá sẽ đoạn nghi hoặc rồi, chẳng còn vấn đề gì nữa! Khi trước, tôi thường nói: "Các đồng học niệm Phật, quý vị gặp tôi nêu lên rất nhiều câu hỏi, tôi dùng một câu chung để đáp, câu gì vậy? Chẳng thật thà!" Nếu quả thật quý vị thật thà niệm, há còn vấn đề gì nữa ư? Vấn đề gì cũng chẳng có! Đó là lời thật. Vì sao chẳng thật thà? Vọng tưởng quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều; bởi vậy, quý vị không chắc thật. Vì sao vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều đến thế? Vì chưa hiểu rõ chân tướng sự thật.

Do vậy, chúng ta học kinh giáo nhằm mục đích gì? Mục đích chủ yếu nhất là giúp chính mình đoạn nghi sanh tín, chân chánh chắc thật niệm Phật, tự mình được thọ dụng, tự mình có thành tựu! Tôi chẳng giúp chúng sanh hay sao? Quý vị đã giúp, nhưng chính mình không hiểu. Tôi giúp như thế nào? Quý vị đã là tấm gương niệm Phật tốt nhất cho người khác nhìn vào. Người hữu duyên trông thấy hành vi, ngôn ngữ quý vị, kẻ ấy sẽ cảm động, giác ngộ. Người vô duyên nhìn chẳng ra, người hữu duyên nhìn ra: Đây là người chân chánh niệm Phật!

Bởi vậy, tự hành chính là hóa tha, chúng tôi thường nói bất luận tại gia hay xuất gia, đệ tử Phật môn niệm niệm, thời thời, chốn chốn đều phải là gương tốt cho hết thảy đại chúng trong xã hội. Làm người phải là một con người tốt, làm gương tốt cho hết thảy mọi người. Những đồng học tại gia, gia đình mình phải là gương tốt cho mọi gia đình khác trong xã hội, là gia đình mô phạm. Trong đạo tràng này, nhất định phải biến đạo tràng này thành gương tốt cho hết thảy các đạo tràng. Chớ cầu ai hết, phải cầu chính mình; người khác làm gì chẳng ăn nhập gì đến mình! Nhất là trong thời đại hiện tại, dân chủ, tự do, cởi mở, mỗi cá nhân có tự do ngôn luận, được tự do xuất bản. Bởi thế, phải dốc lòng nhớ kỹ giáo huấn chân thật của các cổ đức, ta đối xử với người, quyết định chẳng thể nói lỗi lầm của người khác. Nói lỗi lầm của người khác, gây thị phi, kết oan cừ, tự mình đã sai mất rồi!

Cổ đức dạy chúng ta: "*Tịnh tọa thường tư kỷ quá*" (Tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình). Tự mình phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa đổi cho tốt hơn, "*nhàn đàm mạc luận nhân phi*" (chuyện gẫu đừng bàn luận khuyết

điểm của người khác), chẳng những không nên nói mà hết thảy những điều bất thiện của người khác đừng ghim vào lòng. Quý vị để tâm là sai rồi. Tôi thường hay nói như vậy: “Để tâm đến hết thảy những chuyện bất thiện của người khác, tâm quý vị biến thành cái thùng rác!” Chuyên môn thâm thập những thứ phế thải của người ta, tâm ta biến thành thùng rác, tâm hỏng mất rồi, chẳng còn là tâm Phật nữa, tâm mình làm sao biến thành tâm Phật được? Quý vị chuyên môn thâm thập mọi ngôn luận, mọi đức hạnh của chư Phật Như Lai, tâm không còn chứa đựng những thứ gì khác, chỉ toàn trang hoàng bằng những thứ tốt đẹp của chư Phật Như Lai. Đọc tụng kinh điển, tư duy ý nghĩa kinh, nghiên cứu làm sao để thực hiện những giáo huấn trong kinh vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào xử sự, đối người, tiếp vật. Đây là tâm Phật.

Tâm giống Phật, nguyện như Phật, Phật nguyện gì? Nói chung, các nguyện của mười phương tam thế hết thảy chư Phật đều rất nhiều, nhưng quy nạp lại, không ngoài bốn nguyện lớn, đức Thế Tôn gọi là Tứ Hoảng Thệ Nguyện; quy nạp lại, chẳng ngoài bốn nguyện lớn! Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nếu quý vị quy nạp lại cũng chẳng ngoài bốn đại nguyện ấy. Chúng tôi thường nói bốn đại nguyện ấy thực sự chỉ gồm một nguyện, chỉ có một điều thôi: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Những chúng sanh nào? Chúng sanh trong chín pháp giới, ai chưa chứng đắc Phật quả đều là chúng sanh. “Độ” (度) có nghĩa là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện tại, độ là giúp đỡ, thành tựu cho người ấy. Chư Phật Như Lai chỉ có một nguyện ấy, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, chẳng riêng gì loài người mà là chúng sanh trong chín pháp giới. Trong đó bao gồm ngã quỷ, súc sanh, địa ngục, bao gồm cả yêu ma quỷ quái, họ đều là chúng sanh. Quý vị phải giúp họ thành Phật. Vì sao họ lại biến thành ra như thế? Mê mất tự tánh, do vậy mới biến thành ra như thế.

Phật đã giác ngộ, đã hoàn toàn hiểu rành hết thảy chân tướng. Hết thảy chúng sanh có quan hệ gì với mình? Quan hệ rất mật thiết! Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy “*tự - tha bất nhị*”. Tôi và anh về hình dáng chẳng giống nhau, nhưng Phật tánh giống hệt như nhau, cùng một Phật tánh. Bởi thế, trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã nói bao nhiêu lần: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương tam thế Phật bao gồm cả anh lẫn tôi, loài người chúng ta, thậm chí tất cả chúng sanh trong lục đạo, ngã quỷ, địa ngục, hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật. Nói tam thế là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật; vị lai Phật là hết thảy chúng sanh hiện tiền, cùng chung một Pháp Thân, “*một tâm, một trí huệ*”. Chúng ta thường nói một tâm một đức, chẳng sai chút nào.

Chúng sanh mê mất tự tánh, chẳng biết chân tướng sự thật, khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong hết thảy cảnh giới. Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lại khởi tham - sân - si - mạn. Mê mất tự tánh, càng đi càng xa. Mê quá lâu, càng mê sâu hơn, chẳng biết mối quan hệ giữa mình và chúng sanh, chẳng những ta cùng hết thảy hữu tình chúng sanh là một thể, mà với vô tình chúng sanh (như cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa), toàn thể vũ trụ đều là Pháp Thân thanh tịnh của chính mình. Ai biết? Pháp Thân Bồ Tát biết, họ chứng đắc được. Chứng đắc là hiểu rõ, chẳng còn nghi hoặc. Bởi thế, họ chủ động giúp hết thảy chúng sanh vô điều kiện. Tự mình giúp chính mình, tự mình thành tựu chính mình! Sự nhận biết ấy trong Phật pháp gọi là "*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*". Hiểu rõ ràng quan hệ giữa hết thảy người, sự, và vật trong vũ trụ, hiểu minh bạch; đến lúc đó, nguyện của người ấy tự nhiên giống hệt như nguyện của Phật.

Quý vị muốn độ chúng sanh thì độ bằng cách nào? Phải biết chúng sanh đang mê, chính mình khai ngộ rồi, giác ngộ rồi, làm thế nào khiến cho chúng sanh hồi đầu, giúp họ thành tựu bằng cách nào? Ba điều nguyện sau chính là phương pháp: "*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*". Quý vị phải cho họ thấy đoạn phiền não như thế nào, họ thấy rồi sẽ giác ngộ, sẽ hiểu rõ: Phải làm như thế nào! Bồ Tát sơ học thì chư Phật Như Lai vì kẻ ấy thị hiện, có đức Phật nào chẳng thị hiện trì giới trong chín pháp giới? Trì giới để làm gì? Để đoạn phiền não! Trì giới là phương pháp, đoạn phiền não là mục đích. Nhân Giới đắc Định, Định khuất phục được phiền não. Nhân Định khai Huệ, Huệ chuyển được phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Đây là công khóa tu hành thứ nhất, tức đức hạnh! Giáo học thế gian lần xuất thế gian đều lấy đức hạnh làm đầu. Quý vị muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, bọn họ là chúng sanh đang điên đảo, mê hoặc, là chúng sanh mê mất tự tánh. Quý vị muốn giúp đỡ họ, điều trước tiên là phải thành tựu đức hạnh của chính mình. Nay chúng ta chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai; chúng ta xác thực là phàm phu. Phàm phu thì càng phải làm! Vì sao? Độ chính mình, đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh của chính mình.

Điều này tôi phải học mất năm mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi, quả thật lão nhân gia dùng trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện khiến tôi thay đổi quan niệm, tiếp nhận Giới học. Tôi vốn nẩy sanh quan niệm sai lầm nghiêm trọng đối với Giới học, hết sức ưa thích kinh luận, nhưng đối với Giới Luật rất coi nhẹ, chẳng buồn để mắt đến. Chương Gia đại sư lao tâm khổ tứ khiến tôi giác ngộ. Giới Luật chẳng phải là những khuôn mẫu sanh hoạt thế gian như ta thường tưởng; nó chính là ranh giới phân chia phàm - thánh, là khuôn mẫu sinh sống của thánh nhân, chẳng phải của phàm nhân. Vì vậy, nó vĩnh hằng bất biến, siêu việt không gian lẫn thời gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Thông thường, Đại Thừa Phật pháp thường nói hai mươi sáu món phiền não, tức hai mươi sáu loại. Phiền não vô lượng vô biên; vì để dạy dỗ cho thuận tiện, đức Thế Tôn quy nạp thành hai mươi sáu loại. Trong hai mươi sáu loại này, lại chia thành hai loại lớn: Thứ nhất là Căn Bản phiền não, thứ hai là Tùy phiền não. Căn Bản phiền não sáu điều, Tùy phiền não hai mươi điều. Trong Tùy phiền não lại chia thành Đại Tùy phiền não, Trung Tùy phiền não và Tiểu Tùy phiền não. Nếu đoạn được hai mươi sáu loại phiền não này thì mọi phiền não đều đoạn sạch, khởi công từ đó. Đặc biệt là căn bản phiền não; sáu điều căn bản phiền não cũng là sáu loại lớn: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Trong ác kiến lại chia thành năm loại lớn: thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Bởi thế, trong sáu món phiền não, ác kiến lại chia ra thành năm thứ, trên thực tế thành ra mười điều. Mười điều đó chia thành Kiến phiền não và Tư phiền não, gọi chung là Kiến Tư phiền não.

Đức Phật bảo luân hồi lục đạo là do năm món tham, sân, si, mạn, nghi trong Kiến Tư phiền não biến hiện. Nếu quý vị thực sự đoạn được Kiến Tư phiền não, sẽ không còn luân hồi lục đạo nữa. Kiến Tư phiền não chưa đoạn, vĩnh viễn ở trong lục đạo luân hồi, lục đạo do đâu mà có? Do Kiến Tư phiền não biến hiện thành. Quý vị muốn vượt thoát lục đạo, đức Phật dạy rất đơn giản: Quý vị phải bỏ hết những thứ có khả năng biến hiện ra luân hồi lục đạo thì lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa! Ai làm được? A La Hán làm được. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi.

Trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có mấy câu:

Mộng lý minh minh hữu lục thú,

Giác hậu không không vô đại thiên.

(Trong mộng rành rành phân sáu nẻo,

Giác rồi ba cõi rỗng toang hoang).

A La Hán giác ngộ rồi, hể giác ngộ thì sáu nẻo không còn nữa, sáu nẻo trống rỗng không còn tam thiên đại thiên thế giới. Chúng tôi nói thế giới Sa Bà là một đại thiên thế giới, tức là lục đạo luân hồi. Trong kinh giáo, Phật thường giảng về tam thiên đại thiên thế giới rất rõ ràng: Trong kinh Phật gọi tinh cầu mà chúng ta đang sống đây là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvīpa). Tinh cầu này di chuyển trong hư không, xoay chuyển quanh núi Tu Di (Sumeru). Núi Tu Di là trung tâm. Thái dương, mặt trăng, rất nhiều tinh cầu đều xoay quanh eo (khoảng giữa) núi Tu Di. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất có lý. Quý vị thấy đó: Chẳng phải là Thái Dương hệ (solar system) chuyển động trong Ngân Hà Hệ đó ư?

Hoàng lão cư sĩ gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là núi Tu Di. Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, cũng chẳng thuộc Thái Dương hệ. Thiên văn học cổ truyền Trung Quốc gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là Hoàng Cực. Hoàng Cực

là núi Tu Di. Chúng ta biết Hoàng Đạo là quỹ đạo của chín đại hành tinh⁴[4] xoay quanh mặt trời, chúng ta gọi quỹ đạo ấy là Hoàng Đạo. Trước kia, người ta không biết địa cầu xoay quanh mặt trời, ngỡ địa cầu là trung tâm, trông thấy các hành tinh (mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao) có quỹ đạo nên gọi là Hoàng Đạo. Lúc các hành tinh xoay quanh địa cầu, họ phát hiện ra Nam Cực và Bắc Cực, hoàn toàn lấy địa cầu làm bản vị. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo trên thực tế, Phật đã dạy trong kinh, nếu quý vị chú tâm quan sát, tư duy, sẽ thấy núi Tu Di chính là trung tâm của Ngân Hà Hệ.

Hiện nay có người nói trung tâm của Ngân Hà Hệ là lỗ đen (black hole), có năng lượng rất lớn, ngay cả ánh sáng chiếu đến lỗ đen cũng bị nuốt mất. Đến bên nó, chịu ảnh hưởng bởi dẫn lực (sức hấp dẫn, sức hút), ánh sáng đều bị co rút lại. Năng lượng lớn như thế đó. Một Ngân Hà Hệ như vậy là một đơn vị thế giới, một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một đơn vị thế giới (Ngân Hà Hệ) là Sơ Thiên Thiên; một Ngân Hà Hệ chỉ có một Sơ Thiên Thiên. Như vậy, một ngàn đơn vị thế giới, tức là một ngàn Ngân Hà Hệ, là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một tiểu thiên thể giới chính là Nhị Thiên Thiên. Một tiểu thiên thể giới chỉ có một Nhị Thiên Thiên. Tiếp đó, lấy tiểu thiên thể giới làm đơn vị, hợp một ngàn tiểu thiên thể giới thành một trung thiên thể giới, trên thiên đỉnh của trung thiên thể giới là Tam Thiên Thiên. Rồi lại dùng trung thiên thể giới làm đơn vị, gộp một ngàn trung thiên thể giới lại, gọi là một đại thiên thể giới, một đại thiên thể giới chỉ có một Tứ Thiên Thiên.

Vì vậy, lục đạo là thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là một tứ thiên hạ, một ngàn Tam Thiên Thiên, một ngàn nhân một ngàn, thành một trăm vạn Nhị Thiên thiên, lại nhân cho một ngàn, thành mười ức Sơ Thiên Thiên. Vậy thì nếu coi một Ngân Hà Hệ là đơn vị thế giới, phạm vi sẽ rất lớn. Chúng ta độ chúng sanh, tối thiểu phải phát nguyện độ một cõi như vậy. Sa Bà thế giới là bốn quốc, quý vị phải có tâm lượng lớn như thế. Quý vị phải dùng tâm lượng ấy đối với hết thảy chúng sanh. Nếu ai đối với chúng sanh thấy chẳng thuận mắt, tức là có thành kiến đối với kẻ ấy, người ấy chẳng phải là học Phật, chẳng đoạn được phiền não. Làm sao đoạn được phiền não? Quý vị còn học pháp môn nào nữa? Nguyện chẳng phải là chuyện dễ! Nay đã hết giờ rồi!

Chư vị đồng học! Chúng tôi lại giảng tiếp về "*nguyện đồng Phật*", chẳng thể giảng quá nhiều, chỉ đơn giản giảng Tứ Hoảng Thệ Nguyện.

⁴[4] Chín đại hành tinh là Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Địa Cầu, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus) và Hải Vương Tinh (Neptune).

Phải hiểu chánh xác Tứ Hoảng Thệ Nguyên, phải phát nguyện, phải thực hiện, phải làm được những nguyện đó. Bởi lẽ, đoạn được Kiến Tư phiến não bèn vượt khỏi lục đạo, thoát ly biển khổ Sa Bà. Niệm Phật là một pháp môn nhanh chóng, ổn thỏa, thích đáng, dễ dàng, đơn giản, lại thành tựu thù thắng khôn sánh. Bởi vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lần khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn lần khuyên, buốt lòng rất miệng như thế, tất cả chúng ta phải nhớ kỹ. Bởi vậy, chẳng thể không đoạn phiến não, chẳng thể không học pháp môn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, nay chúng ta chỉ học một môn, học đến mức áp dụng được, chuyên tu Tịnh nghiệp. Pháp sư Ấn Quang thường dùng bốn chữ "*chuyên tu Tịnh nghiệp*" để khích lệ, khuyến tấn học nhân.

Đối với các kinh luận khác, tôi đã có nói rồi, quý vị tu Tịnh nghiệp thì phải nắm cho chắc, có nghĩa là nắm chắc vãng sanh. Nếu quý vị còn có nhiều thời gian thì nghiên cứu các kinh giáo khác chẳng trở ngại gì, có thể học được. Nếu chưa nắm chắc Tịnh nghiệp, quý vị hãy nghĩ xem có nên buông xuống, chuyên tu hay không? Rất nhiều kinh luận mình chưa học đến thì làm thế nào đây? Về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ học sau, còn trong thế gian này, ta không quan tâm đến chúng; vì sao vậy? Ta là hạng căn tánh trung hạ, ta không có năng lực ấy!

Nếu quý vị thực sự đủ sức, đủ điều kiện như vậy thì được! Quý vị học những điều đó để làm gì? Để giúp đỡ người khác. Trong thế gian này có những người không thuộc căn cơ Tịnh Độ, họ chẳng thể tiếp nhận kinh giáo Tịnh Độ. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, trong một đời Ngài, đức Phật giảng rất nhiều kinh luận, rất phong phú! Bất luận ai tìm đến, đức Phật đều có khả năng dạy hết, đúng như vậy. Chúng ta không có năng lực như Phật, tốt nhất là ngoan ngoãn nghe lời, thâm nhập một môn. Thực sự thông được một môn; thế nào là thông? Ngộ nhập môn ấy, khai ngộ, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Tông môn gọi là "minh tâm kiến tánh", Giáo Hạ gọi là "đại khai viên giải", pháp môn Niệm Phật gọi là "nhất tâm bất loạn". Danh từ khác nhau, nhưng cảnh giới hoàn toàn tương đồng, đều là minh tâm kiến tánh, đều cùng một cảnh giới. Đến lúc ấy, cái gì cũng thông. Bởi thế, nói: "*Một kinh thông, hết thảy kinh thông*". Quý vị thông suốt toàn bộ, chẳng có gì quý vị chẳng thể giảng được!

Đến lúc đó, tôi có cần phải giảng hết thảy các kinh nữa hay không? Rất có thể. Hết thảy các kinh là để tiếp dẫn các căn cơ bất đồng, nhưng tự mình thì chuyên tu Tịnh Độ. Quý vị chẳng tin tưởng ư? Quý vị hãy nhìn vào Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát! Văn Thù, Phổ Hiền giáo hóa hết thảy chúng sanh, pháp môn gì cũng nói, nhưng như quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm đó, chính họ phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tự mình nêu gương cho chúng ta thấy, hòng bảo với đại chúng:

“Bất luận các người tu học pháp môn nào, rốt cuộc quay về Tịnh Độ là bậc nhất; bất luận tu học pháp môn nào, phải đem công đức tu học của mình hồi hướng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thay đều vãng sanh”.

Chúng ta thấy trong khoa phán của Vô Lượng Thọ Kinh, pháp sư Từ Châu phán định đoạn cuối của phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) là “*nhất tâm tam bối*”, nghĩa là đoạn kinh ấy nói về những người tu các pháp môn Đại Thừa khác, chẳng phải là chuyên tu Tịnh tông. Bất luận tu theo tông phái Đại Thừa Phật pháp nào, Hiển giáo, Mật giáo, đến cuối cùng đem công đức đã tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thì đều được vãng sanh cả. Pháp môn rộng lớn thay! Trọn chẳng nhắc tới A Di Đà Phật, chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, quý vị chẳng thể vãng sanh ư? Không phải vậy! Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, chỉ cần quý vị tu có thành tựu; thành tựu điều gì? Đoạn được phiền não, mở mang trí huệ, có đại nguyện độ chúng sanh, [Phật] đều nhất loạt hoan nghênh. Pháp môn rộng lớn thay! Nói rõ hơn, bản kinh ấy giảng về bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Chúng tôi thành lập Tịnh Tông Học Hội, đặc biệt lấy chương thứ sáu “*phát đại thệ nguyện*” của kinh Vô Lượng Thọ làm kinh văn để đọc tụng trong khóa sáng, nhằm dụng ý gì? Nguyện như Phật! Dụng ý là đây! Kinh văn để tụng vào khóa chiều chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ nhằm dụng ý gì? Hành như Phật. Từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy là Như Lai hạnh, nội dung những phẩm ấy quý vị đều đã biết cả rồi: Ngũ Giới, Thập Thiện, chẳng giảng quá cao, quá huyền, quá diệu, rất chất phác, thành thật. Đây là ưu điểm của kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là bản hội tập, càng đọc, càng thích thú.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bậc tái lai, chẳng phải người tầm thường! Không phải là tôi nói như vậy, một người có công năng đặc dị ở Mạt A Mật (Miami), Mỹ quốc, nói như thế đó. Trong Phật pháp, ta thường nói là có thần thông, người Hoa gọi là “*công năng đặc dị*”. Vị ấy không phải là người Hoa, mà là người Mỹ, chưa hề gặp mặt cụ Hạ, trông thấy ảnh cụ Hạ, liền bảo với mọi người: “Vị này thân thể trong suốt”. Chúng ta chỉ cần nghe nói “thân thể trong suốt” thì hiểu có nghĩa là gì? Phiền não đoạn sạch rồi. Phiền não thuộc về vô minh, chẳng trong suốt. Thân thể trong suốt, tức phiền não đoạn sạch. Phiền não đoạn sạch, há phải người tầm thường ư? A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Nói cách khác, thân A La Hán trong suốt một phần, chẳng trong suốt hoàn toàn. Mức độ trong suốt của Bồ Tát phải cao hơn A La Hán, đạt đến quả địa Như Lai sẽ hoàn toàn trong suốt, chúng ta thường nói là giống như thủy tinh, như lưu ly.

Hội tập chẳng phải là việc dễ dàng gì, cụ hội tập khéo như thế. Cư sĩ Vương Long Thư đời Tống là người thứ nhất soạn hội tập, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm là người thứ hai, các bản hội tập ấy vẫn còn! Quý vị mở ba bản hội tập ra so sánh, quý vị mới thấy bản hội tập của cụ Hạ rất tuyệt, đúng là khiến cho người đời phải khen là quán chí⁵[5]. Lão cư sĩ Mai Quang Hy tán thán khẳng định: *"Trong kinh, Phật từng thọ ký, đến lúc Phật pháp diệt, tất cả hết thầy kinh giáo thầy đều diệt mất, kinh Vô Lượng Thọ còn lưu lại trong thế gian này hơn một trăm năm nữa. Bản diệt sau cùng chắc chắn là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư"*.

Chúng tôi tin tưởng điều này! Nếu quý vị hỏi vì sao tôi tin tưởng? Tôi có số liệu thống kê để làm căn cứ. Trong mười mấy năm qua, bất luận quốc nội hay quốc ngoại, chưa có ai chẳng yêu thích bản kinh này, cho thấy bản này rất khế cơ! Khế lý, khế cơ, bản này đương nhiên trường tồn trong thế gian, đó là đạo lý! Bởi thế, chúng tôi hữu duyên được giảng kỹ càng bản này một lần nữa để lưu lại cho hậu học tham khảo. Vì vậy, chúng tôi dùng bốn mươi tám nguyện làm khóa sáng, dùng một đoạn kinh lớn đức Phật giảng rất tường tận về Ngũ Giới, Thập Thiện làm khóa tối. Khóa sáng là cảnh tỉnh chính mình: Ngày hôm nay tâm nguyện chúng ta phải giống như Phật. Khóa tối là để phản tỉnh, phải sám hối, những gì Phật dạy ta làm, ta có làm được không? Những gì Phật dạy chúng ta đừng làm, chúng ta có vi phạm hay không? Phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới.

Trước khi Hành, nhất định phải Giải, chữ Giải (解) ở đây hiểu theo nghĩa rộng, tức là liễu giải chân tướng của nhân sanh và vũ trụ, liễu giải hết thầy người, sự, vật, giống như trí huệ của Phật, hiểu rõ mọi thứ, thấu hiểu mọi thứ, đối với mọi thứ chẳng mê hoặc; xử sự, đãi người, tiếp vật chẳng sai lầm. Có như vậy thì mới có thể thực sự diễn nói cho người khác. Chúng ta thường nghe cổ đức nói: *"Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật"*. Một niệm ấy tương ứng với gì? Tương ứng tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật. Nếu quý vị chẳng biết rõ, chẳng hiểu rõ tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật thì làm sao tương ứng được? Muốn hiểu rõ, muốn thấu hiểu thì phải nương vào lời dạy. Bởi thế, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài theo đuổi việc dạy học suốt bốn mươi chín năm. Dạy điều gì? Vẫn dạy chẳng ngoài những điều *"tâm như Phật tâm, nguyện như"*

5[5] Quán chí (觀止): Hiểu theo mặt văn tự, “quán chí” là đáng khen ngợi hết lời, tuyệt diệu tốt bậc. “Quán chí” thường được dùng như một mỹ từ để khen ngợi những tác phẩm văn chương hay. Thuật ngữ “quán chí” xuất phát từ một câu nói của Quý Trát trong Tả Truyện: Công tử Quý Trát của nước Ngô đi sứ sang nước Lỗ, nghe nhạc Thiệu xong, nức nở ca ngợi: *"Quán chí tai! Nhược hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ"*. Câu này được chú giải là: “Nhạc Thiệu đã đạt đến mức cao tốt nhất trong các thứ âm nhạc, đã được thưởng thức xong ta không còn muốn nghe loại nhạc nào khác nữa!”

Phật nguyện, giải như Phật giải, hành như Phật hành”, dạy những điều như thế.

Chớ lấy tri kiến của mình làm tiêu chuẩn, chớ lấy cách nghĩ, cách làm, cách nhìn của mình làm tiêu chuẩn. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, thành kiến sai lầm; tư tưởng, kiến giải chẳng chánh xác. Những điều Phật dạy trong kinh thật ra cũng là phương tiện nói, vẫn chưa phải là nói chân thật. Phật nói: Đợi đến khi nào quý vị chứng đắc quả A La Hán rồi, tức là khi đoạn được Kiến Tư phiền não rồi, quý vị mới có thể tin vào ý nghĩ, cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, đức Phật nói phương tiện như thế. Bây giờ đừng nói chi quả A La Hán, ngay Sơ Quả Tu Đà Hoàn ta cũng chẳng có phần, vì sao? Tu Đà Hoàn đã đoạn hết Kiến phiền não, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, thực sự đoạn sạch. Kiến giải như Phật, nhưng suy tưởng vẫn chưa giống hệt như Phật. Kiến giải như Phật, chứng Tiểu Thừa Sơ Quả, trong kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa gọi [địa vị ấy] là Sơ Tín Vị Bồ Tát. Ngay địa vị ấy chúng ta còn chưa đạt được, làm sao có thể tin vào chính mình được?

Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán là bốn quả Tiểu Thừa, quý vị thấy đối với ba quả đầu, đức Phật chẳng nói: “Các người có thể tin vào suy nghĩ của chính mình!” Nói cách khác, đều chưa thể tin vào suy nghĩ của chính mình. Tôi thường hay nói: “Phải buông xuống thành kiến, vứt bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chính mình, tùy thuận sự giáo huấn của đức Phật”. Trong cách nghĩ, cách nhìn đối với vũ trụ, đối với hết thảy con người, sự vật, chúng ta phải coi đức Phật nghĩ như thế nào thì học theo như thế đó. Phật thấy như thế nào, ta phải học theo thế ấy. Như vậy là đúng! Dù đã chứng quả A La Hán, Tiểu Thừa thoát khỏi lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới; dầu mình là chánh giác, nhưng còn kém Bồ Tát rất xa, Bồ Tát là chánh đẳng chánh giác. Bởi vậy, tốt nhất vẫn là tiếp tục không ngừng tùy thuận lời Phật răn dạy, sẽ chẳng sai, chúng ta sẽ sớm có một ngày thành Vô Thượng Đạo.

Lời giáo huấn chân thật của chư Phật Như Lai là khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; như Thiện Đạo đại sư đã nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm nói ra bốn nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta phải nhớ kỹ, đây mới là giáo huấn chân thật bậc nhất. Tùy thuận lời giáo huấn của đức Phật là tương ứng, đây mới là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

“*Cổ kinh vân: Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Bởi thế, kinh dạy: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”). Mười hai chữ ấy nằm trong kinh văn của chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm. Nhớ Phật, niệm

Phật là nhớ gì, niệm gì? Phải biết điều này! Nhớ tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, niệm tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Đó gọi là "thực sự niệm Phật", chẳng phải là nghĩ đến tướng hảo hay danh hiệu Phật. Tướng hảo và danh hiệu là phương tiện. Chẳng thể buông bỏ phương tiện, do phương tiện mà nhập chân thật, chân thật là tâm - nguyện - giải - hạnh.

Chúng ta nghĩ đến tướng hảo của Phật, trông thấy tượng Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trông thấy tượng Phật bèn nghĩ đến tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật phải nghĩ đến thực chất của danh hiệu Phật. Thực chất của danh hiệu Phật là gì? Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh! Ta tự mình niệm một câu Phật hiệu, hoặc nghe người khác niệm một câu Phật hiệu, lập tức nhắc nhở, đánh thức chính mình, phải giữ tâm mình sao cho tâm giống hệt như Phật, nguyện giống hệt như Phật, giải giống hệt như Phật (giải là trí huệ), hạnh giống hệt như Phật (hạnh là đức hạnh). Một câu Phật hiệu chứa đựng thật viên mãn tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, không thiếu sót chút nào.

Nếu chúng ta lại hỏi: "Có tài liệu tham khảo nào để chúng ta học tập tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật hay không?" Có chứ! Đơn giản nhất là kinh A Di Đà. Đó là tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Tỉ mỉ hơn chút nữa là kinh Vô Lượng Thọ, tỉ mỉ hơn chút nữa là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Cổ đức nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh là đại bản của kinh A Di Đà; nay chúng ta niệm kinh A Di Đà chính là niệm tiểu bản kinh Hoa Nghiêm. Vô Lượng Thọ kinh là trung bản. Ba kinh này giảng những điều rộng lược khác nhau. Kinh A Di Đà nói lược, nói rất đơn giản, rất thiết yếu, nói lược. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh nói rộng, nói rất chi tiết. Toàn kinh giảng điều gì? Giảng Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh. Quý vị nghĩ xem có phải như vậy hay không? Hiểu được đạo lý này, quý vị sẽ hiểu vì sao chúng tôi coi trọng nghiên cứu kinh giáo và nghiên cứu giáo lý đến thế! Chẳng có gì khác cả, chúng ta học Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh. Đó là niệm Phật, đó là nhớ Phật.

Sau câu "*ức Phật, niệm Phật*" là Quả: "*Hiện tiền, tương lai, tất định kiến Phật*". Hiện tiền là hiện tại, tương lai là sau khi vãng sanh; hiện tiền là lúc ta chưa vãng sanh. "*Tất định*": Chúng ta thấy ngữ khí câu này rất khẳng định, người ấy lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn, nói với người bên cạnh: "Tôi thấy A Di Đà Phật rồi!" Đó là hiện tiền thấy Phật. Kẻ ấy được thấy, chúng ta cùng ở trong phòng bệnh, chẳng ai thấy cả mà kẻ ấy thấy được. Chuyện này chẳng phải giả, là thật đấy!

Vào lúc ấy, người bình thường sẽ trông thấy người nhà thân quyến, bảo mọi người chung quanh: "Tôi thấy ông X. đến, ông đứng ngoài cửa". Những người được nhắc đến ấy đều là người nhà, thân quyến của kẻ ấy, đều đã chết rồi, lúc ấy kẻ sắp chết trông thấy. Đó có phải là người nhà, thân quyến

của kẻ ấy hay chẳng? Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện giảng rõ sự tình này: Chẳng phải là người nhà, quyến thuộc của kẻ ấy, mà là ai vậy? Là oán thân trái chủ. Oán thân trái chủ biến hiện ra hình dạng người nhà, quyến thuộc đến để làm gì? Đến kéo kẻ ấy đi, kéo kẻ ấy đi tính sổ, trong kinh Địa Tạng, đức Phật dạy như vậy.

Người niệm Phật phải đặc biệt cẩn thận, người lâm chung nói những câu ấy, phải đặc biệt cảnh tỉnh kẻ ấy: "Đừng quan tâm đến! Bất luận thấy ai cũng đừng quan tâm đến, cứ nhất tâm niệm Phật. Ông (bà) thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn thì ông (bà) có thể theo Ngài; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, Phật, Bồ Tát nào khác đến cũng chẳng được theo. Trong số đó chỉ có Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật, đó là Tây Phương Tam Thánh; còn tất cả Phật, Bồ Tát khác, ông (bà) trông thấy đều chẳng được theo. Vì sao? Ma có thể giả mạo đấy!"

Ma giả mạo Phật, Bồ Tát, giả mạo người nhà, quyến thuộc đều chẳng phạm pháp, nhưng nó chẳng thể giả mạo Bổn Tôn. Chúng ta tu Tịnh Độ, Tây Phương Tam Thánh là Bổn Tôn của chúng ta. Yêu ma quỷ quái chẳng thể giả mạo Bổn Tôn, giả mạo Bổn Tôn, thần Hộ Pháp bèn trừng phạt nó, nó chẳng dám làm vậy. Nó giả mạo Phật, Bồ Tát khác, hộ pháp thần chẳng can thiệp, nhất định chẳng được giả mạo Bổn Tôn. Bởi thế, mọi người đừng sợ hãi: Lúc lâm chung gặp A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, cứ an tâm đi theo, đó là thật, chẳng giả đâu! "*Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*".

6.3.1.2. Y Báo diệu nghiêm

6.3.1.2.1. Tổng thuyết y báo diệu nghiêm

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, giảng về sự mầu nhiệm của Y Báo. Đoạn kinh văn này tiếp theo đoạn Tự Phần ở trên, trước hết là:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(*Này Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc?*)

Còn đây là câu giải đáp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(*Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc*).

Vì sao thế giới ấy có tên là thế giới Cực Lạc? Câu này giải thích: Chúng sanh sống trong thế giới ấy gồm có trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát, không có ba ác đạo, Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo. Cư dân nơi đó không khổ, không khổ là lạc; vì vậy thế giới ấy tên là Cực Lạc.

Dưới đoạn này, chúng tôi thuyết minh đơn giản "*tổng thuyết, vô chúng khổ, thọ chư lạc*" (nói chung, không có các khổ, hưởng các sự vui). Các khổ rất ư là nhiều, trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói có vô lượng khổ; lại nói đến tám vạn bốn ngàn nỗi khổ. Tám vạn bốn ngàn chẳng phải là nói tùy tiện, quý vị hãy tra trong Phật Học Từ Điển, hoặc tra Giáo Thừa Pháp Số, [những sách ấy] sẽ thực sự liệt kê từng điều cho quý vị thấy tám vạn bốn ngàn sự khổ! Trong nền giáo học nhà Phật, tất cả hết thảy sự khổ quy nạp thành ba loại lớn, thường được nói đến rất nhiều trong khi dạy dỗ. Đại Thừa Phật pháp cũng thường gọi ba loại lớn ấy là Tam Khổ, tức là ba loại khổ lớn: Thứ nhất là Khổ Khổ, thứ hai là Hoại Khổ, thứ ba là Hành Khổ. Trong các từ ngữ này, chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ hai là danh từ. Như Khổ Khổ, chữ đầu là động từ, chữ sau là danh từ.

Gì gọi là Khổ? Nói chung là "*phiền não bức bách thân tâm*" (nay ta gọi là "áp lực"), thân chịu áp lực, tinh thần chịu áp lực. Thân thể có áp lực, chẳng tự tại, rất đau khổ, nỗi khổ ấy nói mãi chẳng tận. Phật lại chia [Khổ Khổ] thành tám loại lớn. Vì thế, Khổ Khổ cũng gọi là Bát Khổ, tức là tám thứ Khổ Khổ. Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ gọi là Tam Khổ; đó là ba loại lớn. So Bát Khổ với Tam Khổ thì Tam là ba loại lớn, còn Bát [là những sự khổ nói chi tiết hơn], thuộc về một loại trong ba loại [khổ lớn]. Bát Khổ thuộc về Khổ Khổ, tám cái khổ nào vậy? "Sanh khổ, tử khổ, bệnh khổ, lão khổ" là bốn loại lớn; "Cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội ngộ khổ, ngũ ấm xí thạnh khổ" (khổ vì cầu chẳng được, khổ vì yêu thương biệt ly, khổ vì chán ghét mà cứ phải gặp gỡ, khổ vì năm ấm lừng lầy) là bốn loại lớn nữa, gộp thành tám loại, gọi là Bát Khổ. Khổ được định nghĩa như sau: "*Phiền não bức bách thân tâm*".

Chúng ta thấy hết thảy chúng sanh đều chẳng thể tránh khỏi tám loại khổ lớn ấy như đức Thế Tôn đã nói. Đã ở trong lục đạo thì phải chịu đựng hết. Đúng là người người bình đẳng. Đừng nói là đế vương, ngay cả thiên vương – thiên ở đây là Dục Giới. Sắc Giới thiên không có Khổ Khổ, nhưng có Hoại Khổ, có Hành Khổ – trong Dục Giới thiên, Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ thảy đều đầy đủ. Đúng là khổ chẳng thể nói nổi!

Cái ái Sanh Khổ chúng ta đã trải qua, khổ đến mức nào nay đã quên hết rồi. Trong kinh đức Phật đã giảng, chúng ta phải chú tâm tư duy quán sát mới hiểu được đôi chút. Chúng tôi lấy con người làm thí dụ, tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh chẳng ra ngoài lệ ấy. Quý vị sanh vào thế gian

này là vì có duyên với cha mẹ; không có duyên chẳng thể biến thành người cùng một nhà. Đức Phật nói những duyên nào? Duyên rất phức tạp! Đức Phật giảng kinh quả thật có phương tiện thiện xảo, Ngài đem những thứ duyên phức tạp đó quy nạp thành bốn loại lớn, rất dễ nói. Thứ nhất là báo ân, thứ hai là báo oán, thứ ba là đòi nợ, thứ tư là trả nợ. Người cùng một nhà chẳng ra ngoài bốn mối quan hệ này. Nếu chẳng có bốn mối quan hệ ấy, chẳng thể trở thành người một nhà!

Trong một đời quý vị, quý vị quen biết bất cứ ai, bất luận nhân vật nào cũng đều là bốn mối duyên ấy. Bốn mối duyên ấy sâu, cạn, dày, mỏng khác nhau. Duyên sâu, duyên dày sẽ biến thành người một nhà. Người duyên cạn, duyên mỏng hơn một chút biến thành thân thích, bằng hữu. Cạn hơn nữa, mỏng hơn nữa, sẽ biến thành những người quen thân. Thậm chí, ngay cả những người ta gặp trên đường, cười với họ, gật đầu chào nhau là duyên rất cạn. Phải có duyên! Không có duyên, họ chẳng chào quý vị. Thậm chí, người ta bất ngờ gặp ngoài đường, vốn chẳng quen biết, người ta thấy mình ngứa mắt, trừng mắt một cái cũng là duyên, nhưng duyên ấy rất cạn, cũng có thể là những người ấy cả đời ta chỉ gặp một lần. Cổ nhân thường nói: "*Hữu duyên thiên lý lai tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng*" (Hữu duyên ngàn dặm gặp nhau, vô duyên đối diện nhìn nhau chẳng màng).

Vì thế, Phật, Bồ Tát, thiện tri thức thường chỉ dạy chúng ta phải kết thiện duyên cùng người khác, phải kết pháp duyên, điều này rất có lý. Đã hiểu bốn mối quan hệ giữa người với người, nếu ai trong quá khứ chịu ơn mình, họ sẽ đối xử hết sức tốt với ta. Lúc ta gặp gian nan, khốn khổ gì, kẻ ấy chẳng tiếc nuối mảy may, toàn tâm toàn lực giúp mình, báo ân mà! Còn báo oán thì kẻ ấy thấy mình hoàn toàn gai mắt, thường hay lăng nhục, hủy báng, dối trá, thậm chí làm thương tổn mình, báo oán đấy! Kẻ đến lừa đảo tài vật, trộm cắp của cải của mình đều là đòi nợ. Ai đến giúp quý vị kiếm tiền, giúp cuộc sống quý vị được giàu có, dư dật, là trả nợ vậy!

Chú tâm quan sát, tùy thuận lời đức Phật răn dạy, ai báo ân thì hy vọng đôi bên chúng ta ân đức càng sâu, chẳng những càng sâu thêm mà còn phải giác ngộ, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ. Với kẻ báo oán, muốn hóa giải oán thì phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo. Phương pháp không nhất định, cốt sao vận dụng hết sức thích đáng, oán ấy sẽ hóa giải; nhưng nguyên tắc, cương lĩnh quan trọng nhất để hóa giải oán kết là nhẫn nhục, nhường nhịn.

Cổ nhân thường dạy chúng ta nghịch cảnh xảy đến phải thuận chịu, ta vĩnh viễn gìn giữ tấm lòng nhân từ, lòng khoan dung, tha thứ, lòng báo ân. Người ta đến lừa dối hay đến báo oán là có ân gì với mình? Hóa giải oán kết là ân. Huống hồ chẳng cần biết những kẻ ấy có lý hay vô lý, họ đến lừa dối,

hủy báng, khinh nhục mình, không phải là quý vị chẳng có khả năng báo thù, quý vị có năng lực ấy, nhưng không báo thù, đó chính là đức hạnh, chính là giác ngộ. Trong tâm không oán hận, hiểu rõ ràng, minh bạch, số nợ của mình với họ đến đây thanh toán xong. Vui mừng, cũng như tôi ghi sổ nợ trong quá khứ: Tôi lừa dối anh, trong đời này, anh cũng lừa dối tôi, có đi, có lại là huề, rất vui mừng, xóa nợ rồi!

Ăn ở chỗ nào? Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho mình, Nhẫn Nhục Ba La Mật được hiển thị vào lúc nào? Trong những lúc ấy, quý vị thấy có Nhẫn Nhục Ba La Mật hay chẳng? Có Bát Nhã Ba La Mật hay chẳng? Có Thiền Định Ba La Mật hay chẳng? Có Trì Giới Ba La Mật hay chẳng? Có Bồ Thái Ba La Mật hay chẳng? Nhẫn một điều là tu trọn sáu Ba La Mật. Người ta giúp mình, thành tựu “lục độ đều tu” cho mình, quả là việc tốt, chứ không phải việc xấu! Bởi vậy, quý vị phải hiểu đạo lý ấy, tự mình thực sự thọ dụng, sao chẳng cảm ơn?

Nếu quý vị chẳng tiếp nhận sự răn dạy của thánh hiền, do thói quen, nhất định chúng ta sẽ làm sao? Ôm lòng sân hận, nay ta chẳng có năng lực thì trong tương lai sẽ báo thù, nếu ta có năng lực sẽ phản kháng ngay trong hiện tại. Nhất định là như vậy! Thế thì oan oan tương báo đến bao giờ xong? Chẳng phải chỉ một đời này đâu! Một đời này làm lỗi nhỏ nhặt, đời sau càng nghiêm trọng hơn, cứ mỗi một đời lại càng nghiêm trọng hơn; hai bên cùng đau khổ, lầm lạc quá! Bởi thế, phải có trí huệ cao độ, phải thực sự nhẫn nhục, hóa giải oán kết, đôi bên cùng có lợi. Chỉ có bậc thánh hiền mới dạy chúng ta như thế, còn những kẻ tầm thường chẳng thế. Vậy thì bốn mối duyên ấy chúng ta phải hiểu biết rõ ràng. “Sanh” chính là đến thọ sanh. Sanh vẫn chưa giảng xong, bây giờ đã hết giờ rồi. A! Ngày mai chúng tôi giảng tiếp.

Tập 12

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*Y báo diệp*” (y báo màu nhiệm), chúng ta đọc kinh văn tới câu này:

Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc. Cồ danh

Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui, nên cõi ấy có tên là Cực Lạc).

Tiết trước, chúng tôi đã giảng "vô chúng khổ", đã nói đến Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Trong Khổ Khổ, giảng tám thứ khổ: sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, thương yêu chia lìa, chán ghét phải gặp gỡ, năm Ấm lấy lòng. Tám thứ phiền não ấy bức bách thân tâm, nói theo kiểu bây giờ là "thân thể chịu áp lực rất lớn, tâm tình chịu áp lực rất lớn". Ở phần trên, chúng tôi đã giảng đến Sanh, tức Sanh Khổ. Thật ra, chúng tôi nói Sanh Khổ vẫn chưa xong. Trước hết, nói đến việc thọ sanh hay đầu thai, đầu thai (sanh vào thai mẹ) thì có bốn duyên: Báo Ân, Báo Oán, Trả Nợ, Đòi Nợ.

Con người, thật ra là hết thầy động vật, xả thân thọ sanh trong lục đạo, nói chung chẳng ngoài bốn duyên. Chúng ta liễu giải chân tướng của sự thật ấy, nhất định phải nhớ cho thật kỹ: Nhất định đừng để thiếu nợ, nhất định chẳng nên kết oán. Hai việc ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Trong một đời này, chúng ta gặp được thánh nhân giáo huấn nên hiểu biết. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng gặp được thánh nhân giáo huấn sẽ chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng thể liễu giải đạo lý ấy, chẳng liễu giải chân tướng sự thật; thử hỏi có kết oán cừu với chúng sanh hay chẳng? Chắc chắn là có! Có thiếu nợ hay chẳng? Chắc chắn là có! Thiếu nợ người những gì? Chiếm tiện nghi của người ta, đó là thiếu nợ. Thiếu nợ thì phải trả nợ, kết oán phải bị báo đền, oan oan tương báo mãi chẳng thôi. Sự tình ấy đáng sợ, đáng hoảng hốt hơn bất cứ chuyện gì khác.

Con người chẳng biết chịu lép! Chịu lép là có phước, nói như vậy chẳng sai chút nào! Vì sao chịu lép là phước? Chịu lép thì nghiệp chướng từ trước bèn tiêu, tu như thế nào? Tu hành: Hành (行) là hành vi, hành vi sai lầm; Tu (修) là sửa cho đúng, sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm thì gọi là "tu hành". Từ trước đến nay, chúng ta chẳng chịu thiệt; ý niệm ấy, hành vi ấy là sai lầm. Nói chung, khi chúng ta bị thiệt thòi, bị lừa gạt, bèn oán hận, bèn mong báo thù. Hễ tâm niệm ấy khởi lên thì chúng tử bèn gieo vào A Lại Da Thức, tương lai gặp duyên, chúng tử ấy sẽ khởi hiện hành rất phiền phức, rất đáng sợ!

Phải làm sao chân chánh giác ngộ, thực sự hiểu thấu suốt giống như Phật! Trong một đời này, nhất định chẳng kết oán cừu với người khác. Mình bị thiệt thòi chuyện chi, bị người khác lừa gạt điều gì, bị người khác hãm hại như thế nào, trong tâm cảm thấy như không chuyện gì xảy ra, nhất định chẳng để tâm, đó gọi là "tu hành". Chẳng có tâm oán hận, chẳng có tâm báo thù. Sửa đổi như thế; đời sau lúc gặp lại sẽ thành bạn bè tốt. Giải được oán kết rồi, hóa giải rồi thì đó chính là phước. Người bị thiệt thòi trong tương lai nhất định có phước báo. Chẳng chịu thiệt thòi, ôm hận trong lòng, niệm niệm chẳng quên, sau này gặp lại nhau, báo thù, oan oan tương báo.

Báo thù như vậy chẳng phải là đôi bên đều đau khổ ư? Đó là họa, đâu phải phước! Đòi đòi kiếp kiếp, oan oan tương báo không xong, quý vị nói xem: Chẳng phải là rất khổ ư?

Oan gia đối đầu phải là hai bên, nếu một bên đã giác ngộ sẽ bèn hóa giải. Chúng ta chẳng cần đợi người khác giác ngộ, tự mình hãy giác ngộ; hãy tự mình giác ngộ sẽ hóa giải. Cam lòng chịu thiệt, cam lòng bị lừa gạt, nhất tâm nhất ý tích cực nỗ lực tu học, học tập, nỗ lực niệm Phật, quyết định trong một đời này sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, trí huệ mở mang, đức năng, thần thông hiện tiền, thả chiếc bè Từ, lại trở vào chín pháp giới giúp đỡ chúng sanh hữu duyên trong quá khứ. Duyên gì vậy? Chính là những kẻ ân, oán, đền nợ, đòi nợ, họ có những duyên ấy cùng ta, chúng ta giúp đỡ họ, độ họ.

Hãy nhớ kỹ "*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*", chỉ cần có duyên là quý vị đều có thể dùng trí huệ, phương tiện thiện xảo giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Phải hiểu đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật. Thành tựu người khác chính là thành tựu đức hạnh, trí huệ, thần thông, phước báo của chính mình. Chướng ngại, ngăn trở người khác, dù hữu ý hay vô ý gây thương tổn người khác, ngàn ngữ gọi là "*tổn người, lợi mình*". Nhất định chớ nên tổn người lợi mình! Nếu quý vị vị kỷ [6], một đời này thọ mạng rất ngắn, có thể hưởng nhiều lợi ích, thụ hưởng lâu dài ư? Nhưng tội báo trong tam đồ, trong địa ngục, chẳng biết phải chịu khổ như thế gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, cứ gì cứ phải làm những chuyện như thế?

Trước kia, thầy Lý có kể cho chúng tôi một câu chuyện, thuộc loại chuyện ngụ ngôn, thầy kể đâu chừng mấy lần. Bởi vậy, chúng tôi có ấn tượng rất sâu. Thầy kể chuyện một gã thầy lang bắt tài giết người. Chẳng phải là cố ý, nhưng y thuật không cao minh nên chẩn đoán sai lầm, dùng trật thuốc! Phàm ai để cho thầy lang chữa bệnh, bệnh nhẹ không sao, còn bệnh nặng mời gã đến, trị một cái là chết, làm chết chẳng ít người! Đến lúc chính gã chết, tiểu quỷ bắt đi, giải đến chỗ vua Diêm La. Gã ta đến trước điện Diêm La, thấy trong điện Diêm La có không ít người, đều là những người bị gã làm chết. Vua Diêm La phán đày gã thầy lang xuống tầng địa ngục thứ mười tám, gã tâu cùng vua Diêm La:

- Oan uổng! Tôi đâu cố ý hại người! Vì tôi y thuật không cao minh, dùng sai thuốc, tôi chẳng cố ý giết hại họ!

- Chẳng phải cố ý, nhưng mạng người nhiều như thế, mi phải gánh chịu. Trước hết đọa địa ngục, từ địa ngục trở ra lại phải đền mạng. Hữu ý thì hữu ý đền mạng, vô ý thì vô ý đền mạng, vô ý là ngộ sát. Chẳng tránh khỏi

[6] Vị kỷ (selfish), chỉ biết nghĩ đến mình, không hề biết quan tâm, nghĩ đến lợi ích của người khác.

nhân quả, cổ nhân nói đúng đấy, chẳng giả đâu; nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, tổng hấn xuống địa ngục tầng thứ mười tám!

Xuống đến địa ngục vẫn kêu oan, chẳng cam lòng, chạy loạn lên trong địa ngục. Gây náo loạn như thế, chợt nghe phía dưới có người nói: “Lão huynh! Ông đừng chạy lung tung như thế. Ông vừa cất bước, tro bụi đều rơi đầy xuống người tôi!” Ông ta nghĩ: “Mình đã ở tầng địa ngục thứ mười tám, sao còn có tầng địa ngục thứ mười chín?” Bèn hỏi: “Lão huynh làm gì vậy?”

- Tôi dạy học! Thầy thuốc dở làm chết người đọa tầng địa ngục thứ mười tám. Thầy dạy dở đọa tầng địa ngục thứ mười chín, tức là anh dạy học, dạy lầm con em người ta còn nặng tội hơn thầy thuốc dở làm chết người.

Nhưng quý vị phải biết: Một vị thầy giỏi có công đức cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì sánh bằng được. Ở Trung Quốc, quý vị thấy có ai sánh bằng Khổng lão phu tử hay chẳng? Ngài có công đức gì? Dạy học! Ông thầy tốt chẳng dạy lầm con em người ta. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt, tuyệt đối chẳng dạy người lầm lạc, dạy suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, công đức dạy học của đức Phật là bậc nhất trong mọi pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Dạy học phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, giống như thầy thuốc vậy. Dạy học vụng về phải đọa tầng địa ngục thứ mười chín! Đó là ngụ ngôn, chưa chắc là sự thật, nhưng quý vị phải hiểu, như chúng ta mới vừa đọc trong kinh, tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già đời xưa kia là Tam Tạng pháp sư: Tuy không dạy sai lầm, nhưng vì tiếc pháp, dạy cho người ta, chỉ dạy một nửa, nửa sau không dạy. Vì sao? Sợ người trong tương lai hơn mình, đấy là gì? Tâm ghen ghét, tiếc pháp! Đọa địa ngục, tội báo địa ngục mãn rồi, được ra, tuy được làm thân người, nhưng ngu si! Tiếc pháp mắc quả báo ngu si như thế, chúng ta phải hiểu việc ấy.

Ở Trung Quốc, công án “dã hồ” (chồn hoang) trong Thiền Tông rất nhiều người biết. Con chồn hoang ấy trong năm trăm năm trước là một pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, nói sai một câu, tức là nói câu chuyển ngữ sai một chữ. Nói sai một chữ thôi, bị quả báo đọa làm thân chồn hoang năm trăm năm, được Bách Trượng đại sư cứu vớt. Nếu chẳng gặp ngài Bách Trượng, vẫn phải thọ tội trong đường súc sanh; nghĩa là gì? Dạy học chẳng thể không cẩn thận.

Biết thì nói biết, không biết nói không biết, chẳng được miễn cưỡng không biết nói biết, chẳng được thể diện hão. Người ta đến hỏi mình, mình không biết cảm thấy quê quá, phải dùng đại điều gì đó để đáp cho xuôi, làm vậy rất đáng sợ! Nếu quý vị dạy điều gì sai lầm, hãy nghĩ đến chuyện con chồn hoang trong nhà Thiền, hãy nghĩ đến Châu Lợi Bàn Đà Già, mình sẽ gặp phải quả báo. Nếu nói người ta đến hỏi mình, cái gì mình cũng không biết thì làm cách nào đây? Niệm A Di Đà Phật là xong. A Di Đà Phật

là vô thượng pháp môn, quyết định chẳng hại người, quyết định chẳng dối người. Khuyến mọi người cầu sanh Tịnh Độ, thù thắng hơn bất cứ gì khác. Sao chúng ta không làm như vậy? Các đại đức, thiện tri thức xưa kia làm như vậy không ít; bất luận quý vị hỏi các Ngài điều gì, các Ngài đều niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, chẳng có câu thứ hai nào hết. Các Ngài tự mình tu hành thành công, dạy hết thầy chúng sanh cũng thành công, đạo lý ấy hết sức sâu xa.

Chúng tôi giảng pháp nhiều năm, nói thật ra, cũng nêu lên vô lượng vô biên Phật pháp, nhưng đến cuối cùng đều quy vào một câu A Di Đà Phật. Quý vị nêu lên một câu A Di Đà Phật, đấy chính là vô thượng pháp bảo. Vạn pháp quy nhất, nhất là gì? Nhất chính là một câu danh hiệu, vạn đức hồng danh. Nhất quy về đâu? Quy về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được oai thần và bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Tu học trong hoàn cảnh ấy, một đời chứng đắc quả Phật rất ráo viên mãn chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là như trong kinh nói: "*Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*" (không có các khổ, chỉ hưởng các vui) nên thế giới ấy tên là Cực Lạc, quyết định chẳng sai!

Bởi vậy, chúng ta phải hiểu rõ nhân duyên của việc đầu thai, giữa con người với nhau không tránh khỏi bốn duyên ấy. Sanh là khổ, phần trên đã giảng rồi, chúng tôi đã nói rồi, [quý vị] quên rồi! Trong kinh đức Phật giảng rất rõ ràng, quý vị đầu thai thì đầu thai là mê hoặc; nếu quý vị hiểu rất rõ ràng, rất tinh táo, sẽ chẳng đầu thai nữa. Hữu tình đến đầu thai, đến thọ sanh trong lục đạo do nguyên nhân nào? Trong kinh Phật nói là vì dâm dục. Hết thầy chúng sanh (chỉ lục đạo chúng sanh) đều lấy dâm dục làm tánh mạng chánh, đều đến đầu thai như thế. Nếu lúc đầu thai, quý vị mang thân nữ, tức là quý vị thích thân nữ bèn mang thân nữ; nếu thích thân nam, bèn mang thân nam. Bởi vậy, chẳng đoạn tình dục, chẳng thể không đầu thai.

Do đó, chẳng đoạn tình dục, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì vậy, giới luật tại gia, đặt Sát làm đầu, chẳng sát sanh, chứ không phải tà dâm; còn trong giới luật xuất gia, chẳng dâm là điều đầu tiên. Vì sao? Xuất gia muốn liễu sanh tử, muốn thoát tam giới, chẳng đoạn dâm dục sẽ chẳng thể thoát tam giới được. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói rất tường tận: Dục là cội gốc của luân hồi lục đạo; chẳng nhổ tận rễ, làm sao ly khai lục đạo được? Bởi vậy, quý vị đầu thai, sau khi đầu thai, nằm trong bụng mẹ, đức Phật gọi mười tháng hoài thai ấy là "thai ngục", trong bụng mẹ chịu nỗi khổ giống như trong địa ngục. Khi mẹ uống một chén nước lạnh, quý vị cảm thấy như đang ở trong địa ngục Hàn Băng. Mẹ ăn thứ gì nóng, cảm thấy như đang ở trong Đại Hỏa địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi, "thai ngục" là

như vậy! Bởi thế, mười tháng hoài thai, quên sạch sành sanh những ký ức thuộc đời trước, rất khổ! Chúng ta phải tin vào sự kiện này.

Trong quá khứ, tôi có một người bạn già, đứa con của ông ta độ chừng mười mấy tuổi, rất khờ khạo. Ông ta bảo tôi: "Đứa nhỏ này hồi bé hết sức thông minh, lên ba bốn tuổi mắc phải một trận bệnh nặng. Lành bệnh rồi, thông minh, ký ức đâu mất hết!" Một trận bệnh nặng trong thế gian còn có thể khiến ký ức bị mất, mất sạch thông minh, trí huệ. Thời gian mười tháng rất dài, ở trong thai, tất cả hết thảy ký ức đời trước đều quên sạch hết, để ra không biết gì hết. Trong kinh Phật nói: Thai nhi nằm trong bụng mẹ cứ mỗi bảy ngày lại biến hóa, đức Phật giảng sự biến hóa cách mỗi bảy ngày rất tường tận, đó là "*khổ chẳng thể nói nổi*". Bởi vậy, đứa nhỏ sanh ra, âm thanh thứ nhất là gì? Quý vị có chú ý chẳng? Âm thanh thứ nhất là "khổ a!" Sanh ra là khổ, khổ suốt đời, đó là Sanh Khổ!

Có một số nhỏ trẻ sanh ra còn nhớ được chuyện đời trước là do nguyên nhân gì? Trong kinh, đức Phật gọi tình trạng đó là "đọa thai". Lúc mẹ nó hoài thai chẳng phải là hoài thai nó, mà là mang thần thức của người khác. Kẻ ấy đến đòi nợ, nhưng không thiếu nợ nhiều lắm. Người mẹ mang thai phải thọ tội, phải chịu tội hoài thai mười tháng, thân thể chẳng được thông dong. Vừa sanh ra liền chết, tức là thần thức ly khai liền, vì sao? Hai bên chỉ có quan hệ đến đó mà thôi; nhưng kẻ khác có duyên đối với gia đình đó, khi thần thức kẻ kia vừa ly khai, thần thức kẻ này bèn dựa ngay vào thân thể đó. Nói cách khác là thay đổi thần thức, trong nhà Phật gọi chuyện ấy là "đọa thai". Lúc hoài thai chẳng phải kẻ này, lúc sanh ra kẻ này mới đến. Vì thế, cái gì nó cũng hiểu rõ, chẳng quên một mảy sự tình đời trước; nhưng hiện thời biến thành một đứa trẻ nhỏ. Cũng có lúc đứa trẻ [mới sanh ra đã] nói được, mọi người chẳng chấp thuận, cho nó là quái vật. Bị quở như vậy chẳng dám nói nữa, nhưng hiểu rành rẽ, minh bạch. Đọa thai chỉ là một số ít, nhưng không phải chẳng có. Người đọa thai như vậy không có Sanh Khổ, không phải ở trong thai mười tháng, chẳng chịu nổi khổ thai ngục; nhưng đó chỉ là thiểu số, hết sức là ít!

Hễ có sanh thì nhất định có lão, cho nên con người phải giác ngộ. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Ngài có giác tánh rất cao, hết sức linh mãnh, linh hoạt mãnh liệt. Tuy mình chưa già, nhưng trông thấy người già, trông thấy nỗi khổ của người già cả, lập tức nghĩ trong tương lai mình có bị già hay không? Già rồi có giống như người kia hay không? Cảm thấy rất hoảng sợ. Người sống trong thế gian sống nhờ vào ngũ cốc và các món lương thực, chẳng thể không sanh bệnh. Dầu tự mình chưa sanh bệnh, nhưng thấy người khác mắc bệnh khổ sở mọi bề như thế liền giác ngộ. Những tướng ấy (sanh, lão, bệnh, tử) không một cá nhân nào có thể tránh khỏi được.

Sanh - lão - bệnh - tử là tướng bày ra trước mắt ta mỗi ngày, vây bủa ta khắp bốn phía, thời thời khắc khắc cảnh cáo chúng ta, nhưng quý vị có nhận biết hay không? Trong Phật pháp nói người thiện căn sâu dày rất dễ nhận biết. Nhận biết rồi, liền nghĩ cách giải quyết vấn đề như thế nào? Tất cả hết thảy phương pháp thế gian đều chẳng thể giải quyết được chuyện này! Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ sự hưởng thụ vinh hoa, phú quý, đi tu, đi xuất gia, để giải quyết vấn đề "tử sanh đại sự" ấy.

Chư vị đồng tu phải nghe cho kỹ! Tôi chẳng nói "sanh tử" mà nói là "tử sanh". Sanh tử là từ sanh đến tử đã xong, tử sanh không có ý nghĩa như vậy. Chết rồi, cách mấy ngày lại sanh ở chỗ nào đó. Tử sanh vĩnh viễn tuần hoàn, vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Đây là luân hồi, chuyện này rất rắc rối. Nếu tử lẫn sanh đều chẳng có thì tốt quá, không còn có chuyện gì nữa. Tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử, tử rồi lại sanh, phiền phức quá! Trong kinh, đức Phật nói lục đạo chúng sanh nhọc nhằn sanh tử, đều là chân tướng sự thật. Chúng ta có bao giờ nghĩ đến sanh - lão - bệnh - tử hay chẳng? Sanh Khổ có nhân là dục ái, phải trừ dục ái, phải đoạn cái nhân sanh tử. Đó là điều đức Phật dạy.

Suy lão, nạn ngữ cổ Trung Quốc nói rất hay: "*Ưu năng sử nhân lão*" (Lo buồn lo khiến con người già cỗi). Một con người trong đời ưu lự quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, buông không được, rất dễ dàng suy lão. Ưu tư khiến con người già cỗi! Lại nói: "*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*", những câu như vậy đều rất có lý. Nhiều chứng bệnh, đa phần là vì tham ăn, tham uống, ăn bậy bạ. Gần đây nhất, có nhiều báo cáo cho thấy virus gây bệnh SARS do đâu mà có? Không ít người nói do từ động vật hoang dã. Ở phía Nam Trung Quốc, người ta thích ăn thịt động vật hoang dã ("*dã vị*"). Hiện tại, người ta truy tìm căn nguyên bệnh SARS, nghi ngờ bệnh này hình như truyền từ các món dã vị. Đây đều là truy tầm trên sự tướng biểu hiện, thực sự đã chứng minh "*họa tùng khẩu nhập*", tham ăn! Phật dạy chúng ta: Nguyên nhân chân chánh chẳng ngoài nhân quả nghiệp báo; nói như vậy mới là thực sự thấu triệt, mới giải thích minh bạch được.

Như trong kinh nói, lục đạo phàm phu trong tâm chẳng buông Kiến Tư phiền não xuống được, liền phải thọ nghiệp báo. Thiện nghiệp thì được thiện quả nơi ba đường lành; ác nghiệp thì nhất định phải thọ báo nơi ba đường ác. Nhưng đối với hết thảy chúng sanh, ta chẳng tìm được người nào thuần thiện không ác, tìm không ra; cũng chẳng tìm được một ai thuần ác vô thiện. Hạnh nghiệp của hết thảy chúng sanh là thiện - ác lẫn lộn, mỗi một chúng sanh vừa có thiện vừa có ác, nhưng có nặng - nhẹ, nhiều - ít, lớn - nhỏ chẳng giống nhau. Vì thế, sau khi thọ sanh, quả báo chẳng giống nhau. Thiện nhiều, ác ít, trong đời này sẽ hưởng phước báo nhiều, tai nạn ít. Nếu ác nhiều, thiện ít, một đời này phải gặp lắm đổ vỡ; nhưng vì có chút điều

thiện, nên cũng có những thời gian ngắn rất bình tĩnh. Nói chung, chẳng ngoài nhân quả báo ứng, quý vị phải thực sự hiểu được đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, mới hòng bỏ cứu trong một đời này, tức là có thể xoay chuyển quả báo và vận mạng.

Thiền sư Vân Cốc dạy Viên Liễu Phàm điều này. Tiên sinh Liễu Phàm là người đọc sách, có trí huệ, vừa nghe bèn hiểu rõ, lại chịu làm theo. Đổi lỗi, hướng lành hết sức tích cực, thực sự thay đổi quả báo, thay đổi rất nhanh, thay đổi rất hữu hiệu. Cuốn sách thứ nhất tôi đọc khi học Phật là Liễu Phàm Tứ Huấn do lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng. Khi tôi có được cuốn sách nhỏ đó, xem từ đầu đến cuối hơn ba mươi lần, hết sức cảm động; vì tôi lúc trẻ tuổi đã phạm những tội giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm, nhưng bất luận trí huệ hay phước báo của tôi đều chẳng bằng tiên sinh Liễu Phàm, cuộc sống của tôi còn đáng thương hơn nữa, càng khổ hơn nữa! Có một phương pháp thay đổi vận mạng như thế thì tốt quá, như gặp được vật quý báu nhất, tiếp nhận lời thầy rắn dạy, tiếp thọ thiện tri thức chỉ dạy.

Tôi quen biết lão cư sĩ Châu Kính Trụ, hình như cụ đã sáu mươi tám tuổi, tôi mới hai mươi sáu. Lão cư sĩ hết sức yêu thương, che chở bọn người trẻ tuổi chúng tôi, nhất là thấy ai đọc thiện thư liền nảy lòng ưa thích, có thể y giáo phụng hành thì cụ bèn đặc biệt yêu mến người ấy. Đúng là xem như con của chính mình vậy. Cụ dạy chúng tôi phải biết nhân quả báo ứng, dạy chúng tôi phải biết sửa lỗi làm lành, "*chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành*". Chúng tôi tiếp thọ sự giáo huấn từ bi, thiện ý của cụ, được thật nhiều lợi ích, có dịp chuyển được sanh - lão - bệnh - tử của cả một đời mình. Đúng là giảm chậm sự lão hóa, chẳng phải là không già, nhưng là giảm chậm, giống như kéo dài thời gian vậy. Điều này về sau học Phật, mới dần dần hiểu ra đạo lý, đó chính là như cổ nhân nói "*ưu lực khiến con người già cõi*". Đối với hết thảy sự trong thế gian tôi xem nhẹ hơn, chẳng còn bận lòng nữa.

Từ nhỏ hiểu học, thích đọc sách, lúc tuổi trẻ sống rất khổ, thâm nhập ít ỏi. Vì thế, những người tuổi trẻ thường tìm đến những nơi ăn chơi, chúng tôi tuyệt đối chẳng dám la cà, gần gũi. Nguyên nhân gì? Chẳng có tiền bạc. Bởi thế, tuổi trẻ sanh trong nhà giàu có chưa phải là chuyện tốt. Người gia cảnh bần cùng chẳng dám đến những nơi ăn chơi, suy nghĩ cuộc sống tương lai của mình sẽ ra sao? Nếu chẳng phát phẫn, chẳng nỗ lực, chẳng gắng học hành giỏi giang, sau này sẽ ra sao? Bởi thế chúng tôi có quan niệm khác với những người tuổi trẻ. Khi họ rảnh rỗi, thường đến những nơi ăn chơi vui thú, tôi gần gũi những vị thầy nổi tiếng. Tôi đi đến đâu? Đến thư viện, tiệm sách, đây là những nơi tôi la cà.

Không có tiền mua sách thì đến tiệm đọc sách. Ở tiệm sách có lúc gỡ sách ra, đọc cả một hai tiếng. Xem xong, đặt trả sách lên giá, đi qua tiệm

khác xem sách. Người thời đó rất tử tế, tôi thường ghé tiệm sách, chủ tiệm quen mặt, có lúc còn giới thiệu sách hay cho chúng tôi xem. Chúng tôi muốn mua, không có tiền, không sao cả! Cứ lấy trước, khi nào có tiền trả sau. Chủ tiệm tin tôi, hễ lúc nào tôi có tiền sẽ mau mắn đem đến trả, có tín nhiệm. Hầu như mấy tiệm sách ở Đài Bắc, tôi đến mua sách đều có thể ghi nợ, có tín nhiệm mà! Vì tâm địa thanh tịnh, chẳng bị ngũ dục lục trần ô nhiễm, con người chẳng dễ bị suy lão. Sống cuộc đời đơn giản, chẳng ăn quà vặt (không có tiền ăn!), sống quy củ, ít đổ bệnh.

Sau khi học Phật, phải hai ba chục năm mới hiểu ra, hết thảy chúng sanh vốn đều chẳng sanh chẳng diệt. Chẳng riêng gì chư Phật, Bồ Tát, mà tất cả hết thảy chúng sanh đều chẳng sanh chẳng diệt. Chết giống như thay một bộ y phục. Tôi thường nói là thân thể này đã già rồi, đã dùng không ít năm, dùng cũ mềm rồi, chẳng tái sử dụng được nữa, phải thay đổi, càng thay càng tốt, càng đổi càng thù thắng. Đó chẳng phải là chết, chỉ thay đổi thân thể mà thôi, giống như quần áo mặc cũ, mặc rách rồi, không cần đến nữa, bỏ đi, đổi lấy bộ mới.

Trong sanh - lão - bệnh - tử, phải hiểu rõ, thấu hiểu lý sự thì chính mình mới làm chủ được! Nếu chẳng hiểu rõ lý, chẳng minh bạch sự tướng thì đối với bốn sự việc này, ta rất sợ sệt, ta suy nghĩ không thích đáng, xử sự chẳng thích đáng, càng rắc rối to! A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Chư vị đồng học!
Chúng ta coi tiếp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đàn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc).

Trong Khổ Khổ, chúng tôi giới thiệu đơn giản Sanh - Lão - Bệnh - Tử, thứ năm là Cầu Bất Đắc. Hết thảy chúng sanh có ai không có dục vọng? Cá nhân nào chẳng mong cầu? Dục vọng, mong cầu, hết thảy chúng sanh đều có; nhưng dục vọng, mong cầu chẳng có giới hạn, mong cầu phần nhiều đều thất vọng, chân tướng sự thật ấy rất khổ. Dục vọng nhiều, khổ càng nhiều; mong mỏi nhiều, thất vọng càng nhiều! Người chân chánh tu đạo đối với sanh hoạt vật chất lẫn sanh hoạt tinh thần đều tùy duyên, thế nào cũng xong, chẳng mong cầu nên ít khổ. Trong tâm ít vọng niệm, ít mong cầu, chỉ

cần duy trì được cuộc sống đã hết sức thỏa mãn. Người như vậy luôn luôn mạnh khỏe, sống lâu, thế mà rất ít người hiểu được!

Xưa kia, lúc Trung Quốc mới mở cửa, rất nhiều người đến thăm viếng du lịch, nhận thấy nội địa Trung Quốc bần cùng lạc hậu, nói như bây giờ là điều kiện vệ sinh, điều kiện vệ sinh gì cũng không có, thế mà dân cư sống rất lâu khỏe mạnh. Tám chín mươi tuổi vẫn là trẻ, người một trăm hai mươi, một trăm ba mươi tuổi không ít, do nguyên nhân nào? Tôi nghe nói người ngoại quốc đến đó khảo sát, tìm chẳng ra nguyên nhân. Nguyên nhân thực sự rất đơn giản, trong kinh Phật thường nói là tâm thanh tịnh, ít ham muốn, ít mong cầu. Đây là nguyên nhân khỏe mạnh sống lâu. Biết đủ, thường vui, chẳng có những sự phiền muộn trong tâm, chẳng có điều gì phải lo lắng, mỗi ngày được no bụng đã rất đẹp dạ rồi! Bởi thế, ngạn ngữ thường nói: "*Ưu lự khiến cho con người già cỗi*". Những quốc gia đã phát triển, cuộc sống người dân hết sức giàu có, nhưng thường ưu lự, chẳng tri túc, ngày đêm truy cầu hưởng thụ, theo đuổi việc nâng cao phẩm chất cuộc sống, sao không bị lão hóa? Rất dễ dàng suy lão, đạo lý là đây.

Thế gian cũng có hiền thánh, vấn đề là chưa thấy ai gặp được, chưa thấy ai gặp được thánh nhân mà có thể tiếp nhận giáo huấn, chuyện này tùy thuộc phước báo của mọi người. Thánh hiền thế gian, xuất thế gian chỉ dạy chúng ta, ta có thể cầu được, chẳng phải là không cầu được. Trong Phật pháp càng nói hay hơn: "*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*" (Trong cửa Phật, có cầu ắt ứng). Chẳng có gì không cầu được, nhưng quý vị phải hiểu đạo lý và phương pháp để cầu! Nếu mong cầu đúng lý, đúng pháp, không gì chẳng đạt được. Những gì thiền sư Vân Cốc truyền cho tiên sinh Liễu Phàm chính là đạo lý này. Tiên sinh Liễu Phàm nghiêm túc làm theo, quả nhiên có ứng nghiệm, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, chứ trong mạng ông ta không có.

Số mạng ông ta không có công danh, thời cổ gọi "công danh", nay gọi là "học vị", Trung Quốc vào thời cổ chẳng gọi là học vị, mà gọi là công danh. Công danh còn chia thành ba đẳng cấp: Thấp nhất là Tú Tài, nói thật ra, Tú Tài chẳng thể tính là công danh. Cao hơn Tú Tài một bậc là Cử Nhân, Cử Nhân có thể tính là công danh. Cao nhất là Tiến Sĩ. Trên thực tế, Tiến Sĩ có thể sánh với học vị Bác Sĩ [7] hiện tại. Học vị tối cao là Tiến Sĩ, thấp hơn là Cử Nhân, tương đương với Thạc Sĩ [hiện tại], Tú Tài tương đương Học Sĩ, hiện thời. Đó là ba đẳng cấp của người có học ở Trung Quốc vào thời cổ.

Liễu Phàm tiên sinh chỉ đậu Tú Tài, trong mạng không có Cử Nhân, Tiến Sĩ đương nhiên khỏi bàn tới. Quý vị thấy trong mạng ông ta không có công

7[7] Bác Sĩ ở đây chính là học vị Tiến Sĩ (PhD). Người Hoa không gọi bác sĩ y khoa là "bác sĩ" như người Việt mà gọi là y sinh. Người Hoa gọi ba bậc học vị hiện thời như sau: Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), Thạc Sĩ (Cao Học, Master) và Bác Sĩ (Tiến Sĩ, PhD).

đanh, ông ta cầu công danh, quả thật ông ta đậu Cử Nhân, đỗ Tiến Sĩ. Trong mạng không có con cái, kết quả ông ta cũng có con cái. Đúng là "trong nhà Phật, hữu cầu tất ứng". Mạng ông ta chỉ thọ năm mươi ba tuổi, gần như kéo dài tuổi thọ hai mươi năm nữa, sống đến năm bảy mươi bốn tuổi, đúng là hữu cầu tất ứng!

Thánh nhân chẳng lừa dối người, phàm muốn cầu phải hiểu lý luận, hiểu phương pháp. Lý luận là nhân quả, gieo nhân thế nào, được quả báo thế ấy. Nay trong thế gian này, mong mỏi, dục vọng đã biến thành chuyện lớn nhất trong tư tưởng con người hiện tại, cả đời người theo đuổi phương hướng ấy, hướng theo mục tiêu ấy liều mạng truy cầu. Chẳng hiểu lý luận, chẳng biết phương pháp, cứ cậy vào phiền não tập khí, tri kiến thế tục để phán đoán, cho nên cạnh tranh! Tranh có được hay chẳng? Tranh không được! Tranh không được bèn dùng thủ đoạn phi pháp, tổn người, lợi mình, xâm phạm người khác, xâm đoạt người khác nhằm thỏa mãn dục vọng của chính mình. Có lúc tự hồ có hiệu quả, thực sự đoạt được của cải người ta, nào biết mình đoạt được rồi, hưởng thụ trong một thời gian ngắn, vẫn là vì trong mạng mình có. Nếu mạng mình không có, dẫu tranh cũng chẳng được, có đoạt cũng chẳng được. Ví dụ đoạt được, chính mình chẳng thể hưởng dụng được, trong mạng không có mà! Đấy mới là cái nhân chân chánh, trong mạng đã có, có gì phải tranh?

Thoạt đầu, Liễu Phàm tiên sinh được Khổng tiên sinh đoán mạng, đoán mạng ông ta có của cải, mỗi năm có bao nhiêu thâm nhập nhất định. Mỗi năm ông ta thử thí nghiệm, chẳng sai chút nào, chẳng sai chạy chút may mắn nào so với lời đoán của Khổng tiên sinh. Bởi thế, ông ta tin tưởng con người có vận mạng chẳng thể miễn cưỡng. Vì thế, ý niệm cạnh tranh, tranh thủ đều buông xuống hết, cũng chẳng cầu, cũng chẳng tranh. Vì sao? Cầu không được, tranh chẳng được, trong mạng không có mà! Những vọng niệm ấy thảy đều không có, tâm định, nên mới cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường ba ngày ba đêm không có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc cảm thấy rất hy hữu, ba ngày ba đêm chẳng khởi vọng niệm, chẳng phải người tầm thường làm được như vậy, rất bội phục: "Công phu tu hành của ông khá quá!"

Tiên sinh Liễu Phàm nói:

- Chẳng phải là tôi không có vọng niệm, nhưng khởi vọng niệm cũng vô ích, chẳng làm được gì, nên tôi mặc kệ, không nghĩ tới nữa.

Thiền sư Vân Cốc hỏi:

- Tại sao?

- Mạng tôi đã được Khổng tiên sinh đoán định rồi. Những gì tôi gặp gỡ, thành tựu trong một đời này, tôi đều đã biết rõ cả rồi, đều hiểu hết rồi, khởi vọng tưởng ích gì cơ chứ?

Thiền sư Vân Cốc nghe xong bèn cười ha hả:

- Tôi vốn tưởng ông có công phu tu hành, nào ngờ là như vậy, phàm phu, phàm phu!

Bèn khai thị cho ông ta:

- Không sai! Phàm phu đúng là có vận mạng, ai cũng chẳng thoát khỏi vận mạng, vì sao? Chỉ cần ông có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ông bèn có vận mạng. Ai không có vận mạng? Người đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thánh nhân đã vượt khỏi vận mạng.

Nói cách khác, nếu anh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chắc chắn anh là lục đạo chúng sanh, anh đương nhiên bị câu thúc bởi mạng số trong lục đạo, động đây chẳng được, "*nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*" (một hớp uống, một miếng ăn không gì chẳng phải là tiền định). Nếu anh không hiểu đạo lý này, cứ muốn cùng người tranh đoạt, làm bậy làm bạ thì sao? Tổn hại phước báo nơi mạng. Chẳng hạn như (chúng tôi nêu thí dụ để giảng), trong mạng anh giàu có đến một triệu, trong mạng anh có như vậy, giàu có một ức, nhưng anh khởi tâm động niệm, toàn làm chuyện bất thiện, toàn làm chuyện ác, ác niệm, ác hạnh. Kết quả là một ức của cải trong mạng anh bị hao tổn, chỉ còn năm ngàn vạn. Anh kiếm được năm ngàn vạn tự cảm thấy rất phi thường, nhưng phải dùng phiền não làm như thế này như thế nọ, bị giảm bớt rồi. Nếu tạo thành ác nghiệp rất nặng, đoạt được tài sản bằng cách thương thiên hại lý, đại khái càng bị hao tổn lớn hơn nữa. Rất có khả năng một ức tiền tài của anh biến thành một ngàn vạn. Cổ nhân Trung Quốc bảo "*tổn phước, tổn thọ*". Đây là chẳng hiểu đạo lý, chẳng biết phương pháp chính xác, làm sai!

Trong mạng chẳng có của cải, người ấy phải biết tích đức, tu thiện, dùng thiện tâm, thiện hạnh đãi người, tiếp vật, có thể bỏ mình vì người. Của cải là Tài Bồ Thí, dầu tự mình chẳng có tiền của, ta vẫn có một bát cơm ăn, người ta không có gì ăn, mình xẻ nửa bát cho. Đó đều là cái nhân của giàu có. Trong mạng đã có của cải, càng chứa, càng nhiều, của cải hiện tiền, phước báo hiện tiền, trí huệ hiện tiền. Trong mạng của tiên sinh Liễu Phàm có một chút của cải, chẳng nhiều, rất ít! Thiền sư Vân Cốc dạy ông ta như vậy, ông ta hiểu rõ, hoảng nhiên đại ngộ. Mạng do đâu mà có? Do đời trước tạo, mạng do chính mình tạo, tự mình tạo thì tự mình thay đổi. Bởi thế, hiểu được đạo lý, hiểu phương pháp, vấn đề bèn được giải quyết.

Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta rất nhiều, bồ thí được giàu to. Những người giàu có trong thế gian này, của cải do đâu mà có? Do đời trước tu Tài Bồ Thí; bởi vậy, trong mạng có kho tàng dư dật đến thế, bất luận làm việc gì, của cải cuồn cuộn kéo tới. Tài Bồ Thí càng thí càng nhiều, nhất định chẳng được keo lẩn. Làm nhiều việc tốt, chẳng sợ bị gạt, chẳng sợ người khác dối mình. Hiện tại, rất nhiều người làm việc tốt, người

xấu trong thế gian này rất nhiều, ta làm việc tốt đều bị họ lừa gạt. Chẳng sao, cứ lừa đi, trong tương lai họ sẽ phải trả nợ. Nhân quả thông ba đời, mình bị người ta gạt thì sao? Của cải mình lưu lại kiếp sau, trong đời sau, bọn chúng đền trả cho mình. Quý vị hoàn toàn chẳng bận tâm; quyết định chẳng để chuyện đó gây chướng ngại rồi chẳng dám làm việc tốt.

Ví như cứu tai ách, cứu tai nạn, chúng ta biết quả thật phải qua tay rất nhiều người lo liệu, có rất nhiều người nói phát tài nhờ tai nạn, đó là chuyện của họ, ai có nhân quả nấy. Có người nói: "Như vậy khác gì tôi giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp đâu?" Nếu quý vị có tâm giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp thì quý vị mắc tội báo. Ta không có tâm đó, nhưng người ta ôm lòng bất thiện, trộm tiền tài để cứu tế tai nạn, nhân quả kẻ đó phải gánh! Chúng ta phát thiện tâm, là cứu tế tai nạn. Thiện tâm, thiện hạnh ấy của quý vị không bị hao tổn một chút nào, đó là chánh lý. Nếu vì có vài kẻ thừa cơ nuốt mất tiền bạc ấy, người mắc tai nạn chẳng được hưởng, hoặc được hưởng rất ít, mà quý vị không làm thì chính mình chẳng có phước báo, đã đánh mất cơ duyên tu phước báo. Như vậy là không có trí huệ, là làm việc theo cảm tình. Người chân chánh tích đức tu phước không có tâm niệm ấy, đối với ai cũng tin tưởng, đúng như cổ nhân nói: "*Nghi nhân bất dụng, dụng nhân bất nghi*" (Ngờ người chẳng dùng, dùng người chẳng ngờ). Tôi tin tưởng anh, chính anh làm sai thì anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả!

Toàn bộ vấn đề là giáo dục, nhưng hiện tại giáo dục bằng hoại, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh, khuyên người tu phước. Quý vị phụ trách vấn đề cứu tế tai ương, tất cả tiền tài nằm trong tay quý vị, nếu đối với tiền tài ấy quý vị chẳng chút tư tâm, đem đi cứu tai nạn, quý vị sẽ có phước báo rất lớn, phước sau này vô cùng! Quý vị nuốt mất tiền tài cứu tế tai nạn, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được! Kẻ ấy chẳng hiểu đạo lý đó, ngu si, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh kẻ đó. Cảnh tỉnh nhưng hăn vẫn cứ làm, tương lai hăn đọa lạc ta chẳng lạ gì hết, hăn vẫn phải cảm tạ: "Đáng tiếc khi ấy, tôi không nghe lời ông, hiện thời phải chịu khổ nạn lớn lao như thế!"

Giáo dục phải bắt đầu từ lúc nhỏ, đã trưởng thành rồi thì tập khí đã dưỡng thành thói quen, quan niệm sai lầm đã ăn sâu, chẳng dễ gì cải biến. Nhưng phải nhớ kỹ: "*Trong cửa Phật, chẳng bỏ một ai*", phải có lòng nhẫn nại, phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo, thành tựu chính mình, thành tựu chúng sanh. Đừng sợ! Phải tin tưởng Phật, Phật dạy chúng ta càng thí sẽ càng nhiều. Thí tài được của cải, quý vị liên tục đem của cải bố thí cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ. Cuộc sống của chính mình tạm tạm là được rồi, chớ mong cầu hưởng thụ quá phận, kéo tạo oan nghiệt! Người thế gian khổ rất nhiều.

Bố thí Pháp tăng trưởng thông minh, trí huệ. Vô úy bố thí, thường hay nói ăn chay là bố thí vô úy, chẳng sát sanh! Tích cực hơn nữa thì phóng

sanh, bố thí thuốc men, giúp kẻ quan quã cô độc⁸[8], chúng sanh tàn tật đau khổ. Quý vị toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, sẽ được quả báo gì? Mạnh khỏe, sống lâu, vô úy bố thí sẽ được sống lâu mạnh khỏe. Quý vị phải làm! Không làm là không đúng. Bởi thế, phước báo, trí huệ, khỏe mạnh sống lâu là do chính mình tu được, cầu được, chẳng phải là không cầu được. Thánh nhân hiểu đạo lý, hiểu nhân quả, muốn có quả tốt thì phải tu nhân tốt. Nếu quý vị tạo nhân sai trái, gieo đủ mọi nhân bất thiện, hậu quả sẽ rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi! Bởi vậy, chúng tôi thấy chữ “Cầu Bất Đắc”, đúng là người thế gian cầu chẳng được, nhưng chúng ta có cầu ắt ứng.

Thứ sáu là Ái Biệt Ly (yêu thương phải chia lìa). Phạm vi sự khổ này rộng lớn phi thường. Quý vị chẳng thường được kề cận người mình yêu mến, đó là Ái Biệt Ly. Những thứ vật chất quý vị yêu thích đâu có thừa, nhưng không hưởng thụ được; điều mình ưa thích, thường hay có biến hóa. Phàm những gì quý vị yêu, ưa thích, nhưng chẳng dễ gì đạt được, chẳng dễ gì hưởng thụ được thì đều thuộc về loại này. Nhất là sanh ly tử biệt, lúc sống rất ít khi được đoàn tụ, thậm chí những người mình rất yêu thích, tuổi trẻ mất sớm để lại người già buồn tủi, khổ lắm!

Oán Tăng Hội là oan gia đối đầu, chẳng thích gặp, chẳng thích gặp thì sao? Ngày ngày chạm mặt nhau. Khi xưa, lúc tôi mới giảng kinh, giảng đến tám nổi khổ, tôi nêu lên thí dụ: Khi còn đi học, đa phần là nêu những thí dụ trong thời gian đi học, có rất nhiều bè bạn tốt, rất ưa thích ngày ngày ở cùng một chỗ, rồi sao? Đến khi chia lớp, học trong những lớp khác nhau. Oan gia đối đầu, người mình chán ghét nhất cứ ở gần mình suốt, thầy xếp hai đứa ghét nhau vào cùng một bàn, quý vị nói có bực hay không? Tôi nghĩ mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm đó, đúng là Oán Tăng Hội. Người mình chán ghét cứ gặp mặt hoài, người mình ưa thích mong gặp không gặp được. Trong nổi khổ này có người, có sự, có vật, cảnh giới rộng lớn không ngăn mé.

Đức Phật dạy chúng ta tất cả đều là duyên, thiện duyên hay ác duyên, chẳng ngoài bốn mối duyên quan hệ như phần trên đã nói: Báo oán, báo ân, đòi nợ, trả nợ. Làm sao lìa được nổi khổ này? Phải giác ngộ, khổ đều do mê sanh khởi. Mê chấp, tình chấp, những thứ khổ ấy. Giác ngộ rồi trí huệ nắm quyền, trí huệ làm chủ. Bởi thế, đối với Ái nhất định chẳng tham luyến, đối với Oán tuyệt đối chẳng sân hận, hai thứ khổ đó được hóa giải. Trong Ái chẳng thể không có tình chấp. Cái Ái của lục đạo phàm phu chẳng rời khỏi tình chấp, bởi thế mới khổ. Lòng thương yêu to lớn của chư Phật, Bồ Tát là đại từ đại bi, tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác. Tâm ấy chẳng có tình chấp, bởi thế không khổ, chẳng thuộc vào loại này.

⁸[8] Quan: góa vợ, quả: góa chồng, cô: không cha mẹ, độc: không con cái.

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, chúng ta phải chuyển biến, hóa tình chấp thành trí huệ. Bởi vậy lòng ái của Phật, Bồ Tát là chân thành, là thanh tịnh, là bình đẳng, là trí huệ. Phật pháp sợ mọi người hiểu lầm chữ Ái này, nên gọi bằng danh từ khác là Từ Bi, hoặc chỉ nói độc một chữ là Từ. Lòng Từ ấy là Ái. Trong lòng Từ Ái ấy chẳng có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, chỉ có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Ái tình của lũ phàm phu chúng ta chẳng bình đẳng, trong lòng ái đó chẳng chân thành, vì sao không chân thành? Lòng ái ấy biến thành luyến, thậm chí luyến như thế nào, luyến đến mức độ nào chính mình cũng chẳng biết, không tin tưởng được.

Vì thế, qua lại cùng lục đạo phàm phu, quý vị phải có trí huệ cao độ, giác ngộ cao độ. Vì sao? Lục đạo phàm phu như đứa trẻ lên ba, quý vị phải nhìn họ bằng tâm thái ấy, tánh tình họ chẳng ổn định. Vừa mới nói tôi rất thích anh, rất mến anh, chập sau lại chán ghét anh lắm. Chẳng nghiêm túc gì cả! Nếu quý vị nghiêm túc sẽ khổ đấy. Quý vị biết sao không? Họ hỷ nộ vô thường, biến hóa quá chừng, biến hóa không lường được. Họ sử dụng vọng tâm, bị chuyển theo cảnh giới, bị bên ngoài kích động, tâm tình sanh ra biến hóa. Vì vậy, chẳng ổn định! Không như chư Phật, Bồ Tát, tâm chư Phật, Bồ Tát định, chẳng bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu; do vậy, lòng ái của các Ngài vĩnh hằng, từ bi vĩnh hằng.

"*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*", thế nào là phương tiện? Rất nhiều người không hiểu. Phương (方) là phương pháp, tức là ta dùng phương pháp nào để biểu lộ; người hiện thời gọi là "biến thành hiện thực". Quý vị có phương pháp [làm như vậy]. Tiện (便) nghĩa là gì? Tiện là tiện nghi. Nói cách khác, đó là phương pháp thích đáng nhất. Phương pháp rất nhiều, phương pháp nào đối phương thích nhất, dễ dàng tiếp nhận nhất, đó là tiện nghi. Mình có phương pháp, nhưng người ta không tiếp nhận, chẳng hoan hỷ, thì phương pháp ấy không thuận tiện. Bởi vậy, phương tiện là cửa, lòng từ bi, trí huệ, đức năng của quý vị nếu không có phương tiện thì hoàn toàn chẳng thể bày tỏ được. Từ bi là như trong các buổi giảng tôi thường nói, trong Đại Thừa Phật pháp, từ bi nhất định phải bao gồm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Từ bi? Phương tiện! Quý vị khiến cho người ta thực sự sanh tâm vui thích, khiến người ta vui vẻ tiếp nhận, y giáo phụng hành.

Do đây biết rằng, đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, dạy dỗ chúng ta, nguyên tắc tối cao của phương tiện là vì người khác diễn thuyết; đặc biệt chú trọng đến diễn. Diễn là biểu diễn, quý vị phải thể hiện ra. Nói cách khác, trước hết phải thực hiện ngay trên thân mình, áp dụng ngay trong cuộc sống của chính mình, thực hiện ngay trong cách mình xử sự, đã

người, tiếp vật. Quý vị chẳng thực hiện được, há phải là phương tiện ư? Độ người trước hết phải độ mình, cứu người trước hết phải cứu mình; nói chung, chính mình phải niệm niệm đều là gương tốt cho xã hội đại chúng, phải có ý niệm đó. Hễ có ý niệm ấy sẽ tự nhiên có hành vi ấy; không có ý niệm ấy, chẳng thể khởi lên hành vi. Đây là Phật tâm, đây là chân tâm. Trong vọng tâm chẳng có! Vọng tâm là tự lợi, khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình!

Phật tâm, chân tâm nghĩ lợi ích hết thảy chúng sanh trong pháp giới hư không giới. Nếu khởi tâm động niệm được như vậy, sẽ chẳng khác gì Phật, Bồ Tát. "*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*". Thực hiện tám chữ này ra sao? Là khởi tâm động niệm đều nghĩ đến lợi ích hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới, mình phải giúp đỡ họ như thế nào. Quý vị có được ý niệm ấy, phước báo của quý vị sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Lại còn có những hành vi như thế thì phước báo của quý vị sẽ hiện tiền rất nhanh chóng. Tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện xảo phương tiện đầy ắp Sa Bà. Nỗi khổ Ái Biệt Ly, Oán Tằng Hội tự nhiên hóa giải. Tâm lượng càng nhỏ càng khổ, người tự tư tự lợi đáng thương nhất. Người tự tư tự lợi khổ nhất, hiện tại đã khổ, tương lai càng khổ hơn. Vì sao nói tương lai càng khổ? Hiện tại tự tư tự lợi, việc làm đều là tổn người, lợi mình, tổn người thì chẳng tránh khỏi quả báo! Đừng nói tổn người lợi mình không sao! Sau này ắt có quả báo. Anh hại người càng sâu, tương lai người ta báo đền chẳng chỉ có thể thối đầu mà còn gặp bội, có phiền phức hay không vậy?

Bởi thế, có nên ở thế gian này hay chẳng? Nói thật ra, chẳng thể ở được. Vì sao chẳng thể ở được? Vì chắc chắn chẳng thể bảo đảm tương lai gặp được Phật pháp, chẳng thể bảo đảm đời sau giác ngộ. Đời sau chẳng gặp được Phật pháp, lại hồ đồ tùy thuận phiền não, chẳng hiểu lại tạo nghiệp nhiều đến đâu nữa! Lại làm bao nhiêu chuyện lầm lỗi! Chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch lẽ này: Tiền đồ càng ngày càng tệ! Một đời sau chẳng bằng được đời trước, đi lên rất khó khăn, đọa lạc đi xuống rất dễ dàng!

Trong thế gian hiện tại này, các đồng học học Phật chúng ta nếu thực sự giác ngộ một chút sẽ bèn hiểu rõ: Trong thế giới này, làm quan lớn, đại phát tài, cuộc sống tợ hồ rất khiến cho người khác hâm mộ, chết đi quá nửa đọa trong tam đồ. Rất nhiều đồng học đều hiểu đọa tam đồ là khổ! Quý vị thấy người trong thế gian hưởng thụ phước báo nhân gian, hưởng được mấy năm? Nếu quý vị chú tâm quan sát, có thể nói là họ chẳng hưởng được ngày nào cả! Sống trong địa vị cao như thế, dẫu có tài sản nhiều như thế, tâm chẳng được tự tại! Bận tâm, lo lắng quá nhiều, lo được, lo mất, một mặt phải nghĩ cách làm sao để giữ gìn, làm sao kiếm nhiều hơn một chút, thời thời khắc khắc nhọc lòng, chẳng có một ngày có thể buông xuống hết thảy để sống được một ngày thanh nhàn, chẳng bao giờ có! Vui ở chỗ nào?

Địa vị cao nhất là làm người lãnh đạo một quốc gia, bị kẻ dưới lừa dối, chẳng báo trình chân tướng sự thật, bị che giấu! Chuyện như vậy từ cổ đến nay thường có; có được bao nhiêu vị minh quân chẳng bị dối gạt đầu? Văn võ đại thần đều lừa dối vua: "Thiên hạ thái bình, rất tốt!" Nhân dân phải chịu khổ nạn to lớn đến mấy cũng không cách nào tâu lên được. Bản thân vua chẳng biết một điều gì, tự nghĩ cả đời mình là một vị thái bình thiên tử. Đầu đầu cũng tạo tội nghiệp như thế, chết đi đều có báo ứng.

Lúc tôi còn trẻ, Chương Gia đại sư dạy tôi trì giới, Ngài dạy tôi đừng dính đến chánh trị. Một quan niệm lắm, một chánh sách lắm, bao nhiêu người mắc hại! Anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, có dám chắc cả đời anh không làm sai điều gì hay không? Cả một đời chẳng hại ai hay không? Có rất nhiều trường hợp vô ý tổn hại người, hữu ý càng không được, tội càng nặng hơn, đẩy đầu phải là chuyện dễ dàng. Vì vậy, đại sư chỉ cho tôi một con đường ra: "Đã muốn phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, phục vụ hết thảy chúng sanh khổ nạn, ngài bảo tôi xuất gia tốt nhất! Hoằng pháp lợi sanh, theo đuổi việc giảng kinh thuyết pháp, làm công tác dạy dỗ, vậy là tốt! Tôi thích đọc sách, đây cũng là điều anh ham thích". Ngài chỉ dạy tôi như vậy, tôi đi theo con đường đó. Con đường ấy do Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, tôi tin tưởng Ngài. Vì sao? Ngài hết sức thương yêu tôi. Ngài thương yêu tôi, tôi cũng

tôn kính Ngài, y giáo phụng hành. Ngài chỉ cho tôi con đường chẳng lầm.

Vậy thì hết thảy khổ nạn trong nhân gian chẳng dễ dàng lìa thoát. Nói cách khác, không có cách nào thoát được. Muốn thoát khỏi, phải ra khỏi lục đạo. Muốn thoát ly, trừ Phật pháp ra, không còn gì hết. Bao nhiêu tôn giáo trong thế gian, cảnh giới tối cao của họ là thiên đạo, Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, chẳng có cách nào vượt thoát lục đạo, nên Thích Ca Mâu Ni Phật mới xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời chân thật, lão nhân gia thân tâm thanh tịnh: "*Nhiều thêm một việc chẳng bằng ít đi một việc, ít đi một việc chẳng bằng vô sự*". Nếu có kẻ có thể giúp cho chúng sanh trong thế giới Sa Bà thoát ly luân hồi lục đạo, chắc chắn Ngài chẳng giáng sanh. Ngài đến đây làm chi? Chẳng có gì để làm cả! Thực sự nghĩ [chúng sanh muốn] siêu việt lục đạo luân hồi mà chẳng có biện pháp nào cả, quý vị nói xem Phật có cần phải vào thế gian này chẳng? Ngài không vào không được; Ngài chẳng vào thế giới này là chẳng từ bi. Trong lục đạo, quả thật có không ít người giác ngộ, mong cầu vượt khỏi lục đạo luân hồi, đó là Cảm, Phật phải Ứng. Chúng sanh hữu Cảm, Phật bèn Ứng, bèn đến nơi đây. Phật giúp chúng ta siêu việt luân hồi, siêu việt mười pháp giới. Vì vậy, Phật đến trong thế gian này.

Đây là Ái Biệt Ly, Oán Tăng Hội, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, Ái chẳng được tham luyến, Oán nhất định phải hiểu cách hóa giải. Nay đã hết giờ rồi!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, Phần 4 hết

^{9[1]} “Huyễn đăng phiến” (reversal film) tức là những tấm slide trong suốt, hoặc microfilm, có in những văn bản hay hình ảnh đen trắng hay có màu, ta thường dùng trong máy slide projector để chiếu lên một tấm màn cho thính chúng thấy để trình bày một vấn đề. Chúng tôi không biết tiếng Việt gọi chính xác là gì nên đành để nguyên tiếng Hán. Trong nước, thường dùng từ ngữ “phim đèn chiếu” để gọi những tấm phim này; nhưng loại máy chiếu được nói ở đây (slide projector) có thể tự động đổi qua trang khác khi ta bấm nút, không cần phải đặt từng trang lên như trong loại máy “phim đèn chiếu” thường dùng trong nước.

^{10[2]} Nhân Minh (Hetuvidyā) là một trong Ngũ Minh (Pañcavidyā, tức năm chủng loại kiến thức cần thiết mà Bồ Tát cần phải hiểu biết. Ngũ Minh là Thanh Minh, Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nhân Minh và Nội Minh). Nhân Minh là môn nghiên cứu lý luận trong Phật giáo nhằm biện luận khuất phục ngoại đạo, xiển dương chánh giáo và khơi gợi tín tâm cho người nghe bằng lý luận chặt chẽ. Lý luận căn bản của Nhân Minh là mỗi vấn đề, luận thuyết đều gồm ba phần Tông, Nhân, Dụng. Tông là chủ đề lập luận, Nhân là nguyên nhân, Dụng là thí dụ để giải thích vì sao có nguyên nhân. Đây là cách lý luận căn bản. Do chú trọng đến Nhân nên gọi là Nhân Minh. Vị luận sư nổi tiếng của Nhân Minh là Trần Na (Mahādināga) với tác phẩm Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận được coi là người đã hệ thống và tập thành môn Nhân Minh. Pháp sư Huyền Trang rất ưa thích Nhân Minh và đã phiên dịch nhiều tác phẩm thuộc Nhân Minh.

^{11[3]} Đây là “phổ thông Phật thất” nhằm phân biệt với “tinh tấn Phật thất”. Phổ thông Phật thất niệm Phật chỉ có sáu thời, còn tinh tấn Phật thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ.

^{12[4]} Chín đại hành tinh là Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Địa Cầu, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus) và Hải Vương Tinh (Neptune).

^{13[5]} Quán chỉ (觀止): Hiểu theo mặt văn tự, “quán chỉ” là đáng khen ngợi hết lời, tuyệt diệu tột bậc. “Quán chỉ” thường được dùng như một mỹ từ để khen ngợi những tác phẩm

văn chương hay. Thuật ngữ “quán chi” xuất phát từ một câu nói của Quý Trát trong Tả Truyện: Công tử Quý Trát của nước Ngô đi sứ sang nước Lỗ, nghe nhạc Thiều xong, nức nở ca ngợi: “*Quán chi tai! Nhược hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ*”. Câu này được chú giải là: “Nhạc Thiều đã đạt đến mức cao tột nhất trong các thứ âm nhạc, đã được thưởng thức xong ta không còn muốn nghe loại nhạc nào khác nữa!”

^{14[6]} Vị kỷ (selfish), chỉ biết nghĩ đến mình, không hề biết quan tâm, nghĩ đến lợi ích của người khác.

^{15[7]} Bác Sĩ ở đây chính là học vị Tiến Sĩ (PhD). Người Hoa không gọi bác sĩ y khoa là “bác sĩ” như người Việt mà gọi là y sinh. Người Hoa gọi ba bậc học vị hiện thời như sau: Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), Thạc Sĩ (Cao Học, Master) và Bác Sĩ (Tiến Sĩ, PhD).

^{16[8]} Quan: góa vợ, quả: góa chồng, cô: không cha mẹ, độc: không con cái.

